

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



**ISO 9001:2015**

**ĐÀO XUÂN HƯƠNG LAN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Phòng - 2018**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ĐÀO XUÂN HƯƠNG LAN

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA  
SAU THÔNG QUAN HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU  
TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH  
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH  
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THANH

## LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới thầy giáo PGS. TS. Nguyễn Văn Thanh – người thầy đã chỉ bảo, hướng dẫn và tận tình bổ sung góp ý, giúp tác giả hoàn thành luận văn này.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn tới các thầy, cô giáo khoa Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã dạy và truyền đạt những kiến thức bổ ích trong quá trình học tập cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Tác giả đặc biệt cảm ơn Chi cục kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan TP Hải Phòng và bạn bè cùng lớp đã tạo điều kiện, giúp đỡ tác giả rất nhiều trong quá trình tìm hiểu thông tin, thu thập số liệu để hoàn thành luận văn đúng thời hạn.

Lời cảm ơn cuối cùng này tác giả xin giành cho bố mẹ, chồng, con trai và con gái, những người luôn sát cánh đồng viên tác giả, đồng hành cùng tác giả để khắc phục mọi khó khăn hoàn thành khóa học.

Xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2018*

**Học viên cao học**

**Đào Xuân Hương Lan**

## LỜI CAM ĐOAN

Tác giả Luận văn Cao học đề tài: **“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Hải quan Hải Phòng”** là Công trình nghiên cứu độc lập riêng của Tác giả dưới sự hướng dẫn của Giáo viên, PGS.TS. Nguyễn Văn Thanh.

Các số liệu, thông tin trong Luận văn có nguồn gốc rõ ràng và khách quan. Học viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức và tính trung thực của Luận văn Cao học này.

*Hải Phòng, ngày... tháng...năm 2018*

**Học viên Cao học**

**Đào Xuân Hương Lan**

## DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải nghĩa
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
CBCC	Cán bộ công chức
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
XNK	Xuất nhập khẩu
PTVT	Phương tiện vận tải
XNC	Xuất nhập cảnh
UNCTAG	Phát triển nông thôn
GTVT	Giao thông vận tải
VNA-CCS/VCIS	Thông quan điện tử
ICD	Thông quan nội địa
TCHQ	Tổng cục hải quan
NSNN	Ngân sách nhà nước
HQTP	Hải quan thành phố
FTA	Hiệp định thương mại tự do
SXXX	Sản xuất xuất khẩu
TM	Thương mại
DMRR	Danh mục rủi ro
XK	Xuất khẩu
SHTT	Sở hữu trí tuệ
GC	Gia công
STQ	Sau thông quan
CNTT	Công nghệ thông tin
QLRR	Quản lý rủi ro
VPHC	Vi phạm hành chính
NVLT	Nguyên liệu vật tư
SPDD	Sản phẩm dở dang
TP	Thành phẩm

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1	Thống kê số lượng phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng biển Hải Phòng	27
2.2	Thống kê số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi năm 2017	28
2.3	Thực trạng kết quả thu ngân sách năm 2017	29
2.4	Thực trạng về tình hình nợ đọng ngân sách năm 2017	31
2.5	Tình hình xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại	33
2.6	Tỷ lệ phân luồng tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng	34
2.7	Số lượng tiêu chí thiết lập trên VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	34
2.8	Kết quả kiểm tra hàng hóa qua máy soi	35
2.9	Kết quả thu ngân sách trong kiểm tra sau thông quan	36
3.1	Dự báo kết quả thu Ngân sách nhà nước	53
3.2	Dự báo Số cuộc kiểm tra sau thông quan	55
3.3	Tóm tắt các bước thực hiện giải pháp	59
3.4	Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019	59
3.5	Dự toán chi phí thực hiện giải pháp	60
3.6	Một số mặt hàng liên quan đến chuyên ngành	62
3.7	Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 2 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019	65
3.8	Dự toán chi phí thực hiện giải pháp	65
3.9	Danh sách một số mặt hàng đặc biệt cần tập trung kiểm tra	67

	sau thông quan trong thời gian tới	
3.10	Lộ trình kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng đặc biệt	71
3.11	Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 3 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019	73
3.12	Dự kiến chi phí thực hiện giải pháp 3	73

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên sơ đồ</b>	<b>Trang</b>
2.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hải quan Hải Phòng	22
3.1	Lợi ích giải pháp	60
3.2	Lợi ích của giải pháp	66
3.3	Lợi ích của giải pháp 3	74



## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
LỜI CAM ĐOAN.....	ii
DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU .....	iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	vi
PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết và lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích, giới hạn và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
2.1. Mục đích nghiên cứu .....	2
2.2. Giới hạn nghiên cứu .....	3
2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Kết cấu của luận văn .....	4
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN.....	5
1.1. Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan .....	5
1.1.1. Khái niệm về kiểm tra sau thông quan .....	5
1.1.2 Các đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan [3], [4],[6] .....	7
1.1.3. Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong hoạt động hải quan hiện đại [9],[17],[18], [26].....	7
1.2. Cơ sở lý thuyết liên quan đến các giải pháp nâng cao kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng [17],[19],[27],[30].....	8
1.2.1. Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng đối với doanh nghiệp xuất khẩu hàng gia công.....	8
1.2.2 Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho mặt hàng liên ngành .....	9

1.2.3 Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho mặt hàng đặc biệt.....	10
1.3. Kinh nghiệm quản lý kiểm tra sau thông quan của một số nước trên thế giới .....	10
1.3.1. Kinh nghiệm quản lý kiểm tra sau thông quan của Mỹ .....	10
1.3.2. Mô hình quản lý kiểm tra sau thông quan của Nhật Bản.....	11
1.3.3. Mô hình quản lý kiểm tra sau thông quan của Trung Quốc.....	13
1.3.4. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công may mặc xuất khẩu tại Hải quan Hà Giang [35].....	14
1.4. Tiểu kết chương 1 và nhiệm vụ chương 2.....	15
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ KIỂM TRA SAU THÔNG HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG.....</b>	<b>17</b>
2.1. Giới thiệu chung về Hải quan Hải Phòng trong 2013-2018.....	17
2.1.1. Lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức và chức năng của cục Hải quan Hải Phòng.....	17
Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hải quan Hải Phòng.....	22
2.1.2. Hoạt động của Hải quan Hải Phòng.....	24
2.2 Thực trạng tình hình kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	27
2.1.2.3. Công tác quản lý thuế.....	28
2.1.2.4 Kết quả thu ngân sách nhà nước .....	29
2.2. Thực trạng kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng gia công xuất khẩu - những vấn đề đặt ra .....	37
2.2.1. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng lớn/thường xuyên .....	37
2.2.2. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng liên ngành .....	38
2.2.3. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng đặc biệt .....	41
2.3. Tiểu kết chương 2 và nhiệm vụ chương 3.....	42

CHƯƠNG 3: XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU TẠI CẢNG HẢI PHÒNG .....	43
3.1. Xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam Việt Nam hòa nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023 .....	43
3.1.1 Thống nhất quan điểm chỉ đạo .....	43
3.1.2 Mục tiêu phấn đấu .....	43
3.1.3. Nhiệm vụ cụ thể.....	44
3.1.3.1. Về thể chế.....	44
3.1.3. 2. Về công tác nghiệp vụ hải quan .....	44
3.1.3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực .....	45
3.1.3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin thời đại cách mạng công nghiệp 4.0	46
3.1.3.5. Một số chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện .....	49
3.2 Định hướng của Hải quan Hải Phòng trong xu hướng hội nhập của Hải quan Việt Nam .....	49
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sau thông quan với hàng hóa gia công xuất khẩu .....	55
3.3.1. Giải pháp 1: Nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan với hàng hóa gia công xuất khẩu có khối lượng lớn và thường xuyên.....	55
3.3.2. Giải pháp 2: Xây dựng giải pháp về công tác KTSTQ với hàng hóa đặc thù liên ngành đảm bảo hoạt động hiệu quả.....	62
3.3.3. Giải pháp 3: Đề xuất lộ trình công tác kiểm tra sau thông quan hàng hóa đặc biệt mới nhằm đảm bảo hiệu quả .....	67
3.4. Tiểu kết chương 3 .....	75
PHẦN KẾT LUẬN & KHUYẾN NGHỊ.....	77
1. Kết luận .....	77
2. Khuyến nghị .....	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	79

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết và lý do chọn đề tài

Cùng với xu thế chung của toàn cầu hóa, ngoại thương đang ngày có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, ngoại thương giúp đất nước có được nguồn ngoại tệ để phát triển kinh tế đất nước, đồng thời giúp nền kinh tế và doanh nghiệp học tập được các kinh nghiệm tiên tiến về quản lý và các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm hiện đại hóa sản xuất. Hoạt động ngoại thương đó không thể không kể đến hoạt động gia công hàng hóa, nhất là đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

Hải Phòng là một trong ba thành phố lớn của đất nước Việt Nam. Với nguồn cảng biển, cảng sông, cảng hàng không và đường bộ thuận lợi, phong phú và đa dạng, đặc biệt là khu vực cảng biển rất thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa. Năm 2017, có 25% lượng hàng xuất nhập khẩu làm thủ tục qua cảng Hải Phòng. Những năm gần đây, lượng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng ngày càng tăng, do vậy số lượng tờ khai làm thủ tục cũng tăng lên đáng kể. Kim ngạch xuất nhập khẩu trong 3 năm (2015-2017) hơn 1000 tỷ USD với tổng số tờ khai trên 20 triệu tờ khai. Riêng năm 2017 kim ngạch đạt 425 tỷ USD trên tổng số 8 triệu tờ khai.

Nhưng quá trình gia công xuất nhập cần phải đảm bảo quá trình kê khai thông tin thủ tục hải quan theo đúng quy trình và trình tự của luật thương mại trong xuất nhập khẩu từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại. Điều này đòi hỏi ngành Hải quan càng phải tìm cách để nâng cao hiệu quả theo các tiêu chuẩn quốc tế. Trong những năm qua Hải quan Hải Phòng đã tích cực cải tiến, nâng cao hiệu quả thông quan, tuy nhiên sự nâng cao hiệu quả trên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Phần vì chất lượng phục vụ doanh nghiệp còn chưa cao, cán bộ công chức còn mang nặng tính công quyền, việc phát hiện xử lý các gian lận thương mại của doanh nghiệp chưa triệt để, chưa mang tính quyết liệt, sức đấu tranh còn hạn chế. Phần là do các doanh

ngành gia công xuất khẩu lợi dụng chính sách thông thoáng, đơn giản về thủ tục, ưu đãi về thuế của Nhà nước để gian lận, khai báo, quyết toán không đúng theo định mức thực tế sản xuất, không đúng số liệu theo dõi xuất nhập tồn thực tế quản lý tại doanh nghiệp.

Vậy làm thế nào để nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như yêu cầu hội nhập trong thời đại nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như tìm ra khó khăn của việc thu thuế để có hướng khắc phục là điều vô cùng quan trọng. Điều này khẳng định việc nghiên cứu đề tài vừa đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp gia công xuất khẩu thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu nhanh chóng tại Hải quan Tp Hải Phòng vừa đảm bảo không sót lọt nguồn thu của ngân sách nhà nước. Đây là việc làm cần thiết để cải thiện tình hình trên, đáp ứng nhu cầu nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan, nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố trong quá trình hội nhập kinh tế. Xuất phát từ những đòi hỏi đó, nên tác giả đã lựa chọn đề tài **“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Hải quan Hải Phòng”** nhằm mục đích trên, đồng thời với mong muốn góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường tính tuân thủ của doanh nghiệp, tính chuyên nghiệp của cán bộ công chức Hải quan mà vẫn đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả Hải quan của Hải Phòng nói riêng và của Việt Nam nói chung.

## **2. Mục đích, giới hạn và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết kiểm tra sau thông quan, các hình thức kiểm tra sau thông quan, vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả KTSTQ đối với hoạt động xuất khẩu và tăng thuế đối với các mặt hàng gia công xuất khẩu tại Thành phố Hải Phòng.

- Phân tích đánh giá thực trạng kiểm tra sau thông quan đối với hàng

gia công xuất khẩu tại Thành phố Hải Phòng

- Tìm hiểu được lợi ích của cũng như hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu dành cho từng đối tượng mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng gia công xuất khẩu cho doanh nghiệp làm thủ tục tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng.

## **2.2. Giới hạn nghiên cứu**

Đề tài tập trung chủ yếu vào việc nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông quan cho đối tượng doanh nghiệp thực hiện hàng gia công xuất khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

## **2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm tra sau thông quan, đối tượng kiểm tra sau thông quan, các dấu hiệu kiểm tra sau thông quan, vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động xuất khẩu Hải quan hiện đại.

- Phân tích và đánh giá thực trạng kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Thành phố Hải Phòng

- Bước đầu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho các doanh nghiệp gia công xuất khẩu trên địa bàn Hải Phòng.

## **3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài**

Công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu tại Hải quan Thành phố Hải Phòng.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập tài liệu:

Phương pháp này dựa trên nguồn thông tin thu thập được từ những tài liệu, dữ liệu thu thập từ các Báo cáo tổng kết hàng năm của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan Hải Phòng và của các Hội nghị chuyên đề về công tác kiểm tra sau thông quan. Đặc biệt các dữ liệu, tài liệu về công tác kiểm tra

sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu. Bên cạnh đó đề tài cũng sử dụng các tài liệu tham khảo có sẵn từ văn bản Luật, Nghị định, Thông tư liên quan đến lĩnh vực Hải quan, Thuế và quản lý nhà nước về Hải quan và công tác kiểm tra sau thông quan.

- Phương pháp phân tích tổng hợp:

Tổng hợp tài liệu nghiên cứu đã thu thập để thấy rõ thực trạng tình hình kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu. Đồng thời phân tích mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội và đánh giá thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Phương pháp chuyên gia: Là phương pháp sử dụng trí tuệ của đội ngũ chuyên gia để xem xét nhận định bản chất của đối tượng, tìm ra một giải pháp tối ưu. Đó là ý kiến của những cán bộ Hải quan làm trong công tác kiểm tra sau thông quan. Ý kiến của những nhà khoa học và của giảng viên hướng dẫn về vấn đề kiểm tra sau thông quan.

- Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết:

Phương pháp phân loại, sắp xếp các tài liệu thu thập được về lĩnh vực kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu. Bên cạnh đó hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu.

## **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 03 chương:

**Chương 1.** Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan và cơ sở lý thuyết liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan.

**Chương 2.** Phân tích và đánh giá thực trạng kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Hải quan Hải Phòng.

**Chương 3.** Xu hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Hải quan Hải Phòng.

## CHƯƠNG 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

### 1.1. Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan

#### 1.1.1. *Khái niệm về kiểm tra sau thông quan*

Kiểm tra sau thông quan là phương pháp quản lý hiện đại của bộ máy quản lý Nhà nước về Hải quan dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro, được tiến hành trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá rủi ro đối với những hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục thông quan hàng hóa. Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, Hội đồng hợp tác Hải quan thế giới đã bắt tay vào nghiên cứu các biện pháp tiến hành kiểm tra sau khi hàng hóa đã được thông quan. Và KTSTQ là một trong những biện pháp đấu tranh chống gian lận thương mại có hiệu quả nhất. vì vậy hiện nay Hải quan nhiều nước, khu vực thuộc tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã áp dụng các biện pháp KTSTQ [17], [19].

Theo định nghĩa của UNCTAD, kiểm tra sau thông quan là việc kiểm tra Hải quan trên cơ sở kiểm toán sau khi Hải quan giải phóng hàng nhằm kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của các tờ khai, các dữ liệu thương mại, hệ thống kinh doanh, hồ sơ, sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra sau thông quan là một trong những nguyên liệu đầu vào cho công tác quản lý rủi ro và là tiêu chí đánh giá doanh nghiệp ưu tiên [19].

Trình tự, thủ tục, hồ sơ và nội dung của quy trình kiểm tra sau thông quan được quy định các bước công việc tiến hành từ thu thập thông tin, xác định đối tượng kiểm tra, thực hiện kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra và giải



quyết các công việc có liên quan đến kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan, công chức/ nhóm công chức Hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan.

Theo Pháp luật Hải quan Việt Nam thì khái niệm kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan Hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của nội dung các chứng từ mà chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền, tổ chức, các nhân trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan Hải quan, nhằm ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về Hải quan, gian lận thuế, vi phạm chính sách quản lý xuất nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan [26].

Kiểm tra sau thông quan gồm có: Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan và kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Doanh nghiệp.

Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan là hoạt động thường xuyên của cơ quan Hải quan nhằm đánh giá việc chấp hành pháp luật về thuế và pháp luật về Hải quan của doanh nghiệp. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan được thực hiện theo kế hoạch đã được xác định cho từng giai đoạn, của từng đơn vị hoặc khi có thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật Hải quan, pháp luật về thuế liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan được thực hiện bằng việc thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin từ các cơ sở dữ liệu của ngành về doanh nghiệp, mặt hàng, loại hình xuất nhập khẩu được kiểm tra .

Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp là hoạt động kiểm tra của cơ quan Hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực các khai báo Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan và được thực hiện tại trụ sở doanh nghiệp.

Các trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp bao gồm: kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra chọn mẫu, kiểm tra khi có dấu hiệu doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc có khả năng vi phạm pháp luật về thuế, pháp luật về Hải quan.

### **1.1.2 Các đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan [3], [4],[6]**

- *Tính chủ động*: Đối với kiểm tra sau thông quan, cơ quan Hải quan chủ động kiểm tra và doanh nghiệp không thể biết lúc nào bị kiểm tra và chỉ khi nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan thực hiện thì doanh nghiệp mới biết mình có thực sự tuân thủ pháp luật hay không.

- *Tính vô hình*: Kiểm tra sau thông quan thường là một kinh nghiệm nên rất dễ dàng bị sao chép, bắt chước và việc làm khác biệt hóa nghiệp vụ mang tính khó khăn hơn so với trong thông quan.

- *Tính tách biệt giữa hàng hóa và sổ sách*: Vì kiểm tra sau thông quan thực hiện kiểm tra hàng hóa sau khi thông quan nên thực tế cơ quan Hải quan kiểm tra thì hàng hóa thường đã được bán, xuất kho hoặc đã lưu thông ra ngoài thị trường.

### **1.1.3. Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong hoạt động hải quan hiện đại [9],[17],[18], [26]**

Nguyên tắc: phải áp dụng quản lý rủi ro trong việc lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung kiểm tra sau thông quan.

Khi thực hiện kiểm tra sau thông quan, các đơn vị có trách nhiệm phối hợp chia sẻ thông tin với các đơn vị trong ngành Hải quan, đảm bảo hoạt động kiểm tra đúng quy định, hiệu quả, tránh trùng lặp, không gây phiền hà cho người khai Hải quan. Đồng thời phản hồi các hệ thống thông tin, dữ liệu của ngành Hải quan để thực hiện biện pháp quản lý, kiểm tra theo quy định.

Lãnh đạo các cấp, công chức liên quan trực tiếp cuộc kiểm tra phải có trách nhiệm: bảo mật thông tin liên quan đến cuộc kiểm tra, không được cung cấp thông tin cho bất kỳ tổ chức, cá nhân không liên quan khi chưa được sự phê duyệt của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan/ Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan/ Cục trưởng Cục Hải quan/ Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan/ Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan.

Việc thu thập xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan là công việc chủ động thường xuyên hàng ngày của công chức/ nhóm công chức được giao thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan tại các Chi cục Hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Cục kiểm tra sau thông quan để đảm bảo phân tích theo dõi, đánh giá phân loại người khai Hải quan có hồ sơ đã được thông quan tại Chi cục (đối với Chi cục Hải quan), người khai Hải quan nằm trong địa bàn quản lý (đối với Chi cục Kiểm tra sau thông quan).

## **1.2. Cơ sở lý thuyết liên quan đến các giải pháp nâng cao kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng [17],[19],[27],[30]**

### ***1.2.1. Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng đối với doanh nghiệp xuất khẩu hàng gia công***

Nhằm xây dựng công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng xuất khẩu một cách hiệu quả cần phải đứng trên quan điểm của doanh nghiệp. Nhưng nhu cầu, mong muốn và thị hiếu của doanh nghiệp luôn luôn thay đổi, vì vậy cần phải tìm hiểu và quan tâm tới các yếu tố sau:

- ✓ Lịch sử về các cuộc kiểm tra liên quan đến thuế.
- ✓ Loại mặt hàng nào đang được yêu thích thời điểm hiện nay
- ✓ Loại hình doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu (doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn, cổ phần, liên doanh,...)
- ✓ Tồn suất xuất khẩu hàng hóa.
- ✓ Năng lực của doanh nghiệp (vốn cá nhân, vốn vay ngân hàng,...)
- ✓ Kim ngạch theo năm.

Đánh giá các yếu tố đặc biệt khác của doanh nghiệp để đảm bảo khi đưa doanh nghiệp vào danh sách kiểm tra thì đảm bảo sẽ có nguồn thu hoặc nâng cao được tính tuân thủ của doanh nghiệp. Không nhất thiết phải đưa tất cả các doanh nghiệp vào kế hoạch kiểm tra tránh trường hợp kiểm tra tràn lan và không hiệu quả.

Xác định đối tượng kiểm tra giúp công chức kiểm tra dự đoán được số thu thuế cũng như xác định được lượng tờ khai, mặt hàng phải kiểm tra từ đó

có kế hoạch cụ thể cho mỗi cuộc các kiểm tra sau thông quan sao cho phù hợp với đối tượng doanh nghiệp gia công xuất khẩu, và giúp xác định nguồn nhân lực cho cuộc kiểm tra cũng như thời gian cho cuộc kiểm tra một cách hiệu quả.

### ***1.2.2 Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho mặt hàng liên ngành***

Hải quan Hải Phòng làm việc với Đoàn Giám sát của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2014-2018, đồng thời đưa ra các vướng mắc trong quá trình giải quyết thủ tục tại Cục Hải quan và đề xuất, kiến nghị với các Bộ/Ngành liên quan để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu qua địa bàn Cảng Hải Phòng và các địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung;

Hải quan Hải Phòng đã tham gia làm việc với Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục Hải quan, thủ tục kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan TP Hải Phòng; Tập hợp rà soát của các đơn vị, báo cáo Tổng cục Hải quan về các quy định quản lý chồng chéo, bất cập của các Bộ ngành;

Muốn doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa, một trong những bước cần lưu ý từ đầu là tìm hiểu xem hàng hóa có thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành hay không. Kiểm tra chuyên ngành với hàng hóa xuất nhập khẩu là việc cơ quan chức năng lấy mẫu hàng để kiểm tra xem hàng hóa đó có đạt yêu cầu hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của chuyên ngành hay không.

Khi kết quả kiểm tra là đạt, lô hàng sẽ được cấp giấy chứng nhận. Khi không đạt, lô hàng sẽ bị từ chối cấp chứng nhận, và hàng sẽ không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- ✓ Bộ Nông Nghiệp PTNT: Kiểm dịch động thực vật, thủy sản (có cả ATTP theo loại hàng thuộc quản lý của Bộ này)
- ✓ Bộ Y tế: Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm (mà Bộ này phụ trách)
- ✓ Bộ GTVT: Đăng kiểm phương tiện giao thông, xe máy chuyên dùng

✓ Bộ Khoa học & Công nghệ: Kiểm tra chất lượng

### ***1.2.3 Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho mặt hàng đặc biệt***

Hải quan Hải Phòng triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát Hải quan trong thực hiện các Kế hoạch đấu tranh phòng, chống rửa tiền; hàng điện tử giả nhập khẩu; hàng hóa nhập khẩu có hại cho sức khỏe con người; nhập khẩu mặt hàng thời trang có dấu hiệu gian lận thương mại; gia cầm, sản phẩm gia cầm, đường nhập lậu; kiểm tra, kiểm soát mặt hàng sữa,...

- Tăng cường kiểm soát mặt hàng cấm thuộc danh mục Cites, hàng tiêu dùng, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, đồ điện tử, điện lạnh, điện gia dụng. thuốc lá; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và chất cấm dùng trong chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; xe máy điện, xe đạp điện, mũ bảo hiểm và phụ tùng; dược liệu; thuốc, thực phẩm chức năng và sản phẩm y tế giả tại Việt Nam; khoáng sản; hàng bách hóa; các hoạt động xuất, nhập khẩu tiền chất;

- Triển khai Kế hoạch 170/KH-TCHQ ngày 19/08/2014 và Kế hoạch 72/HQHP-KH ngày 04/11/2014 về việc kiểm soát thực hiện hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS nhằm phát hiện, đấu tranh, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tiền chất;

## **1.3. Kinh nghiệm quản lý kiểm tra sau thông quan của một số nước trên thế giới**

### ***1.3.1. Kinh nghiệm quản lý kiểm tra sau thông quan của Mỹ***

Quy trình tổ chức thực hiện KTSTQ của hải quan Mỹ được tiến hành thông qua ba giai đoạn: (i) Giai đoạn đầu tiên là đánh giá sự phù hợp của hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp so với pháp luật liên quan đến hoạt động XNK; (ii) Giai đoạn 2: Nếu bản tự đánh giá của doanh nghiệp được cơ quan hải quan chấp nhận thì quá trình KTSTQ sẽ kết thúc mà không chuyển sang giai đoạn thứ hai. Nếu cơ quan hải quan không chấp nhận việc tự đánh

giá của doanh nghiệp thì sẽ tiến hành giai đoạn hai của KTSTQ; (iii) Giai đoạn 3: Sau khi giai đoạn hai kết thúc, cơ quan hải quan sẽ đưa ra các khuyến cáo để doanh nghiệp cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ [20].

Cụ thể, khi tiến hành KTSTQ đối với một doanh nghiệp, đầu tiên, cơ quan hải quan sẽ lấy mẫu và kết quả thử nghiệm hàng hóa nhập khẩu; đồng thời kiểm tra các giao dịch tài chính để đánh giá việc khai báo hàng hóa nhập khẩu, các nghiệp vụ thanh toán của doanh nghiệp có đúng quy định pháp luật hay không. Ở giai đoạn hai, doanh nghiệp sẽ phải gửi cho cơ quan hải quan bản tự đánh giá sự chính xác trong khai báo, thanh toán lô hàng nhập khẩu. Nếu cơ quan hải quan chấp nhận bản tự đánh giá của doanh nghiệp thì sẽ kết thúc quá trình KTSTQ. Nếu cơ quan hải quan nhận thấy còn có khác biệt giữa bản tự đánh giá về hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp với thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan, cơ quan hải quan sẽ đưa ra các khuyến cáo để doanh nghiệp cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và tiến hành các biện pháp cải tiến. Bên cạnh đó, cơ quan hải quan cũng đánh giá lại khả năng tuân thủ của nhà nhập khẩu khi tiến hành các biện pháp cải tiến.

Qua đó có thể thấy, điểm nổi bật của mô hình quản lý KTSTQ của Mỹ đó là quy trình tổ chức thực hiện KTSTQ, cụ thể quy trình cơ bản dựa trên nền tảng quy định của pháp luật về việc doanh nghiệp tự khai báo, tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về thông tin hàng hóa xuất nhập khẩu đã khai báo với cơ quan hải quan. Việc thực hiện KTSTQ trên cơ sở sự tự giác tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp sẽ giúp cơ quan hải quan tiết kiệm tối đa nguồn lực, nhưng vẫn có thể quản lý toàn diện đối với doanh nghiệp.

### ***1.3.2. Mô hình quản lý kiểm tra sau thông quan của Nhật Bản***

Hải quan Nhật Bản được coi là một trong những cơ quan Hải quan tiên tiến nhất trên thế giới, do đó, nghiên cứu những kinh nghiệm của Nhật Bản trong quá trình quản lý công tác kiểm tra sau thông quan là rất quan trọng.

Về tổ chức bộ máy, các bộ phận KTSTQ của hải quan Nhật Bản trực thuộc hải quan các vùng, bộ phận KTSTQ gồm có 3 phòng là: Phòng Kiểm

soát, Phòng Kiểm tra tại doanh nghiệp và Phòng Thông tin. Phòng Kiểm soát có chức năng điều chỉnh và trao đổi thông tin về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cho tất cả các đơn vị KTSTQ. Phòng Kiểm tra tại doanh nghiệp thực hiện kiểm toán doanh nghiệp và những tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động XNK. Phòng Thông tin có nhiệm vụ thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin cần thiết để hỗ trợ cho Phòng Kiểm tra thực hiện kiểm toán tại doanh nghiệp [20].

Hải quan Nhật Bản thành lập và duy trì một hệ thống hỗ trợ KTSTQ sử dụng dữ liệu tương tác từ các đơn vị KTSTQ, các đơn vị thông quan hàng hóa và cơ sở dữ liệu tình báo hải quan. Trong quá trình thông quan, hải quan Nhật Bản áp dụng hệ thống thông quan tự động, hệ thống thông quan này tạo nên một cơ sở dữ liệu dùng chung cho các cơ quan hải quan, doanh nghiệp và bên thứ ba với thẩm quyền truy cập không hạn chế. Từ hệ thống thông quan tự động, cộng thêm các thông tin thu thập được từ các bộ phận như điều tra, thuế, trị giá, thông quan và KTSTQ, thông tin được thu thập và tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu tình báo hải quan là cơ sở cho việc lựa chọn đối tượng KTSTQ và cung cấp thông tin phục vụ KTSTQ.

Theo quy định tại Điều 105 Luật Hải quan Nhật Bản, công chức hải quan kiểm tra bất kỳ chứng từ, sổ sách kế toán lưu giữ liên quan đến hàng hóa XNK trong khoảng thời gian từ 7 đến 10 năm. Công chức hải quan Nhật Bản làm công tác KTSTQ yêu cầu có kiến thức, kỹ năng tổng hợp về ba lĩnh vực đó là kiến thức chung, kiến thức về nghiệp vụ hải quan và hiểu biết cơ chế hoạt động của doanh nghiệp. Cán bộ làm KTSTQ có trình độ cao giúp công tác quản lý KTSTQ hiệu quả, hiệu lực hơn. Việc lựa chọn đối tượng KTSTQ được dựa trên nền tảng CNTT hiện đại kết hợp với hệ thống tiêu chí QLRR đầy đủ, chi tiết.

Điểm nổi bật mô hình quản lý KTSTQ của Nhật Bản là mô hình tổ chức KTSTQ được bố trí theo mô hình dọc, có cấp Trung ương và cấp vùng. Bên cạnh đó, bộ máy được chia thành 3 phòng nghiệp vụ để hỗ trợ lẫn nhau.

Mô hình quản lý KTSTQ như vậy giúp Hải quan Nhật Bản có thể quản lý KTSTQ theo cả chiều dọc và chiều ngang. Việc lựa chọn đối tượng KTSTQ (thực chất là lập kế hoạch KTSTQ) được dựa trên nền tảng CNTT hiện đại kết hợp với hệ thống tiêu chí QLRR đầy đủ, chi tiết. Cán bộ làm KTSTQ có trình độ cao giúp công tác quản lý KTSTQ hiệu quả, hiệu lực hơn.

Như vậy, hệ thống công cụ hỗ trợ có hiệu quả nhất và mang đặc trưng nhất của Hải quan Nhật Bản là hệ thống quản lý rủi ro được thực thi trên một nền tảng công nghệ thông tin hoàn hảo. Thêm vào đó, Hải quan Nhật Bản cũng có một số thẩm quyền trong lĩnh vực điều tra xác minh, đồng thời nghiệp vụ kiểm toán cũng được Hải quan Nhật Bản hết sức coi trọng, như một nhân tố quyết định sự thành công của kiểm tra sau thông quan.

### ***1.3.3. Mô hình quản lý kiểm tra sau thông quan của Trung Quốc***

Mô hình KTSTQ của Trung Quốc được áp dụng từ năm 1994. Mục đích khi tiến hành các hoạt động KTSTQ là cải tiến phương thức quản lý nhằm duy trì trật tự và các nguyên tắc thị trường kết hợp với việc cung cấp các dịch vụ công thuận lợi hơn thay vì việc can thiệp trực tiếp đến cộng đồng doanh nghiệp và thị trường. Hiện nay, cơ quan điều tra của? Hải quan Trung Quốc chịu trách nhiệm chính về KTSTQ, bao gồm bộ phận kiểm tra và bộ phận điều tra thương mại, tại các vùng cũng có các bộ phận kiểm tra [20].

Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày hàng hóa XNK được thông quan hoặc trong thời hạn giám sát hải quan của hàng hóa bảo thuế, hàng hóa miễn giảm thuế nhập khẩu, cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu khác có liên quan cùng với hàng hóa XNK của người bị kiểm tra để kiểm tra tính hợp pháp, tính chân thực của hoạt động XNK hàng hóa.

Cơ quan hải quan tiến hành KTSTQ đối với những doanh nghiệp, tổ chức liên quan trực tiếp đến hoạt động XNK. Cụ thể là các doanh nghiệp, tổ chức tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế, tham gia vào hoạt động gia công quốc tế, các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực kho



ngoại quan, các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng hoặc có liên quan đến hàng hóa được hưởng các ưu đãi về giảm thuế, miễn thuế, hoàn thuế, các doanh nghiệp là đại lý hải quan, khai thuê hải quan và các doanh nghiệp khác tham gia vào hoạt động kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động XNK do Tổng cục Hải quan Trung Quốc quy định.

Hải quan Trung Quốc dựa trên cơ sở áp dụng quy trình QLRR để lựa chọn các đối tượng KTSTQ. KTSTQ được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo dấu hiệu vi phạm. Hoạt động KTSTQ được thực hiện thông qua quy trình 4 bước: Chuẩn bị kiểm tra, Thực hiện kiểm tra; Xử lý hồ sơ; Đánh giá kết quả.

Đến nay, Hải quan Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện mô hình KTSTQ theo hướng 4 trong 1, bao gồm: phân tích rủi ro, kiểm toán doanh nghiệp, điều tra thương mại, quản lý doanh nghiệp. Mục tiêu của Hải quan Trung Quốc là tiến tới mô hình quản lý hải quan hiện đại theo các chuẩn mực của thông lệ quốc tế. Mô hình KTSTQ mang đặc trưng Trung Quốc là lấy phân tích rủi ro làm cơ sở, lấy việc kiểm toán doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp làm phương tiện và lấy việc điều tiết hoạt động XNK của doanh nghiệp làm mục tiêu quản lý.

Giống như Nhật Bản, Trung Quốc cũng áp dụng mô hình quản lý KTSTQ theo chiều dọc và có những bộ phận hỗ trợ KTSTQ theo chiều ngang. Trung Quốc cũng lập kế hoạch KTSTQ, lựa chọn doanh nghiệp KTSTQ trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Đây cũng là điểm mạnh của mô hình quản lý KTSTQ của Trung Quốc. Đó cũng là kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam khi tiến hành cải cách và hiện đại hóa hải quan.

#### ***1.3.4. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công may mặc xuất khẩu tại Hải quan Hà Giang [35]***

Do đặc thù hàng may mặc có rất nhiều nguyên liệu, nhiều sản phẩm gia công với nhiều kiểu dáng, kích cỡ khác nhau nên đòi hỏi công chức KTSTQ phải rất cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình kiểm tra, đối chiếu thông tin.

Đối việc KTSTQ tại trụ sở Công ty, đoàn KTSTQ của Cục Hải quan đã tiến hành kiểm tra tất cả hồ sơ thanh khoản, quyết toán của các hợp đồng gia công. Lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan về hành vi nộp hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công và điều chỉnh định mức sản xuất sản phẩm gia công không đúng thời hạn quy định. Đồng thời kiểm tra chi tiết lượng nguyên liệu, vật tư NK; lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng; định mức; sản phẩm gia công XK... Kiểm tra hồ sơ cụ thể, nguyên nhân và bảng kê chi tiết giải trình tính toán nguyên liệu vật tư sử dụng của các mã nguyên liệu âm được doanh nghiệp báo cáo giải trình là do trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, đối tác nước ngoài đã thông báo thay đổi thiết kế sản phẩm gia công dẫn đến thay đổi định mức của một số sản phẩm. Do người của Công ty còn thiếu kinh nghiệm nên đã khai báo không đúng định mức thực tế sản xuất của một số nguyên phụ liệu. Sau đó đoàn KTSTQ kiểm tra, đối chiếu các tài liệu kỹ thuật do Doanh nghiệp xuất trình chứng minh định mức thay đổi của các nguyên liệu vật tư âm. lượng nguyên liệu dư thừa bằng tổng nguyên liệu NK trừ đi tổng nguyên liệu sử dụng cộng với tổng nguyên liệu chuyển tiếp. Căn cứ vào kết quả kiểm tra trên, Cục Hải quan ban hành quyết định ấn định thuế thu số tiền thuế còn thiếu của lượng nguyên liệu bị âm.

Bên cạnh đó, các hợp đồng gia công thường được thực hiện trong thời gian dài, tờ khai XK, NK và các chứng từ, tài liệu nhiều nên đòi hỏi công chức hải quan thống kê, theo dõi số liệu của các nguyên liệu, vật tư, sản phẩm gia công phải đầy đủ, chính xác.

#### **1.4. Tiểu kết chương 1 và nhiệm vụ chương 2**

Như vậy, chương 1 đã giải quyết vấn đề Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan và cơ sở lý thuyết liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan, các đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan, nguyên tắc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong hoạt động Hải quan hiện đại. Chương 1 cũng nêu rõ cơ sở lý thuyết của các giải pháp

nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho các mặt hàng lớn thường xuyên, các mặt hàng liên ngành và các mặt hàng đặc biệt qua Cục Hải quan Hải Phòng. Đồng thời, trong chương 1 tác giả cũng nghiên cứu kinh nghiệm công tác kiểm tra sau thông quan của các nước như Mỹ, Nhật và Trung Quốc. Đặc biệt là kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu của cục Hải quan Hà Giang. Từ đó cho thấy, Kiểm tra sau thông quan là phương pháp quản lý hiện đại của bộ máy quản lý Nhà nước về Hải quan dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro, được tiến hành trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá rủi ro đối với những hoạt động xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục thông quan hàng hóa. KTSTQ là một trong những biện pháp đấu tranh chống gian lận thương mại có hiệu quả nhất. Vì vậy, hiện nay Hải quan nhiều nước, khu vực thuộc tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã áp dụng các biện pháp KTSTQ.

Giải pháp nâng cao hiệu quả KTSTQ được xây dựng dựa trên yêu cầu nhiệm vụ thu thuế của nhà nước, đặc điểm kiểm tra sau thông quan, nguyên tắc kiểm tra cơ cấu mặt hàng xuất khẩu lớn, thường xuyên liên tục, mặt hàng cần kiểm tra chuyên ngành, mặt hàng đặc biệt. Đây chính là cơ sở để hình thành nên các giải pháp thực tế để tạo ra kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu hiệu quả tại Hải Phòng.

Để làm rõ các luận điểm trên, chương 2 của đề tài sẽ làm rõ các điểm sau: Tổng quan về Cục Hải quan TP Hải Phòng; Đánh giá thực trạng liên quan đến giải pháp kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng gia công xuất khẩu; Tìm ra các vấn đề cần liên quan đến giải pháp kiểm tra sau thông quan đối với các mặt hàng gia công xuất khẩu thường xuyên/ lớn, hàng gia công xuất khẩu liên ngành, hàng gia công xuất khẩu đặc biệt.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ KIỂM TRA SAU THÔNG HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG

### 2.1. Giới thiệu chung về Hải quan Hải Phòng trong 2013-2018

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức và chức năng của cục Hải quan Hải Phòng

Tên gọi: Cục Hải quan Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 159 đường Lê Hồng Phong, P. Hải An, Thành phố Hải Phòng.



*Trụ sở văn phòng Cục Hải quan Hải Phòng (nguồn: Internet)*

Ngày 10 tháng 9 năm 1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thừa uỷ nhiệm của Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ký sắc lệnh số 27/SL thành lập Sở thuế quan và thuế gián thu, khai sinh ra ngành Hải quan Việt Nam. Với nhiệm vụ thu các loại thuế nhập cảng và xuất cảng, thu thuế gián thu. Sau đó được giao thêm nhiệm vụ chống buôn lậu thuốc phiện và quyền được định đoạt, hoà giải với các vụ vi phạm về thuế quan và thuế gián thu. Khi đó hệ thống tổ chức của ngành thuế quan và thuế gián thu toàn quốc gồm có: Ở Trung ương có Sở thuế quan và thuế gián thu (sau đổi thành Nha quan thuế và thuế gián thu) thuộc Bộ Tài chính. Ở địa

phương chia làm 3 miền: Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ, mỗi miền có: Tổng thu Sở thuế quan; Khu vực thuế quan; Chính thu sở thuế quan; Phụ thu sở thuế quan.

Ngày 20 tháng 11 năm 1946, Quân đội Pháp đã nổ súng, chiếm Ty thuế quan Hải Phòng. Trong cuộc kháng chiến, Hải quan Việt Nam cùng quân dân cả nước phối hợp cùng các lực lượng khác thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước là bao vây và đấu tranh kinh tế với địch.

Ngày 14 tháng 4 năm 1955, Bộ Công thương ban hành Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB của Bộ công thương về việc thành lập Sở Hải quan Hải Phòng. Bao gồm các đơn vị trực thuộc:

- ✓ Phòng Tổ chức cán bộ;
- ✓ Phòng Hành chính quản trị;
- ✓ Phòng Giám quản hàng hoá xuất nhập khẩu và công cụ vận tải xuất nhập cảnh;
- ✓ Phòng kiểm hoá và thuế – Giá biểu;
- ✓ Phòng kiểm nghiệm hàng hoá (Nghị định số 1045/TTg ngày 13 tháng 9 năm 1956 của Chính phủ ấn định việc kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng hoá xuất nhập khẩu do Hải quan phụ trách);
- ✓ Phòng kiểm soát và xử lý;
- ✓ Phòng thuyền vụ làm nhiệm vụ bảo quản, điều động phương tiện thuỷ các loại để phục vụ công tác kiểm soát, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền;
- ✓ Đội kiểm soát, giám sát vùng duyên hải;
- ✓ Đội thương cảng;
- ✓ Phòng Hải quan Hòn Gai;
- ✓ Phòng Hải quan Cửa Ông;
- ✓ Phòng Hải quan Diêm Điền;
- ✓ Phòng Hải quan Đồ Sơn; P
- ✓ hòng Hải quan Cát Bà;

- ✓ Phòng quản lý xuất nhập khẩu.

Đầu năm 1956, Bộ Công thương chia tách ra làm 2 Bộ là Bộ Công nghiệp và Bộ thương nghiệp, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Thương nghiệp.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan trung ương.

Ngày 17 tháng 6 năm 1962, Bộ Ngoại thương có Quyết định số 490/BNT-QĐ-TCCB đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng.

Đầu thập niên 80 về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ của Phân cục Hải quan Hải Phòng có nhiều biến động bao gồm:

- ✓ Phòng Tổ chức – Cán bộ;
- ✓ Phòng hành chính - quản trị;
- ✓ Phòng giám quản hàng mậu dịch;
- ✓ Phòng kiểm soát và xử lý tố tụng;
- ✓ Phòng tổng hợp – pháp chế;
- ✓ Hải quan bưu điện; Hải quan cảng chính;
- ✓ Trạm Hải quan cảng Chùa Vẽ.

Ngày 20 tháng 11 năm 1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn việc thành lập Tổng cục Hải quan – Cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (thay Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương). Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Từ đó Phân cục Hải quan Hải phòng được đổi tên gọi thành Hải quan TP Hải phòng gồm:

- ✓ Phòng Tổ chức – cán bộ;
- ✓ Phòng hành chính - quản trị;
- ✓ Phòng giám quản;

- ✓ Phòng kiểm soát và xử lý tố tụng;
- ✓ Phòng tổng hợp – pháp chế;
- ✓ Hải quan Bưu điện;
- ✓ Hải quan cảng Hải phòng;
- ✓ Hải quan Trạm trả hàng phi mậu dịch Vạn Mỹ.

Theo Quyết định số 91/TCHQ-TCCB ngày 01 tháng 06 năm 1994 của Tổng cục Hải quan, Hải quan thành phố Hải phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải phòng và thủ trưởng cơ quan được gọi là Cục trưởng cục Hải quan tỉnh, thành phố. Bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP Hải phòng gồm 13 phòng, ban và đơn vị tương đương:

Văn phòng;

Phòng tổ chức cán bộ & đào tạo;

Thanh tra;

Phòng tài vụ - Quản trị;

Hải quan Vạn Mỹ;

Hải quan quản lý các KCX, KCN Hải phòng;

Hải quan Diêm Điền (Thái Bình); Hải quan Hưng Yên;

Hải quan Hải Dương;

Phòng giám quản I;

Phòng Giám quản II;

Phòng kiểm tra thu thuế XNK;

Hải quan Bưu điện Hải Phòng.

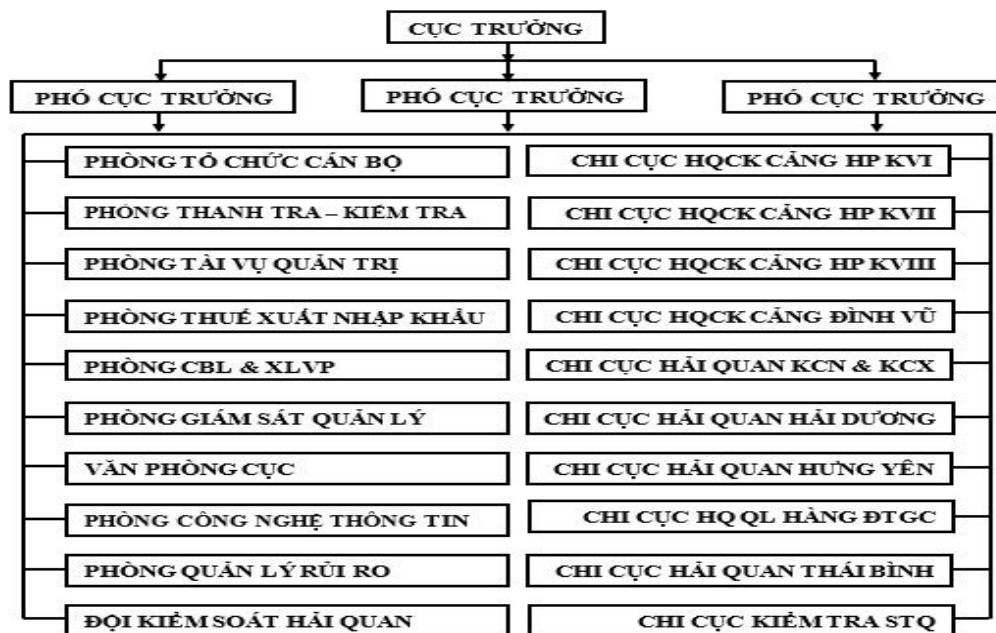
Năm 1998 Hải quan Hải Phòng đã đưa thêm một khâu thủ tục hải quan ra cửa khẩu từ Phòng giám quản ra Hải quan cảng và Hải quan Vạn Mỹ. Thành lập Hải quan cảng I và Hải quan cảng II. Đặt thêm 3 điểm thông quan tại Khu công nghiệp và khu chế xuất Hải Phòng, tại Hải Dương và Hưng Yên.

Như vậy từ 5 điểm thông quan trong các năm 1996-1997 thì đến năm 1998 đã có 10 điểm thông quan được duy trì để đáp ứng yêu cầu giải phóng một số khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng tăng.

Sau khi Luật hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, bộ máy tổ chức của Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan địa phương cũng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan. Cục Hải quan TP Hải phòng các phòng, ban tham mưu và tương đương, các Chi cục Hải quan cửa khẩu và Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Các đơn vị trực thuộc gồm 17 phòng ban và Chi cục (8 chi cục, 1 đội kiểm soát, 8 phòng ban và tương đương). Gồm:

1. Văn phòng;
2. Phòng tổ chức cán bộ và đào tạo;
3. Phòng Thanh Tra;
4. Phòng Nghiệp vụ;
5. Phòng trị giá tính thuế;
6. Phòng Kiểm tra sau thông quan;
7. Phòng tham mưu chống buôn lậu và xử lý;
8. Đội kiểm soát Hải quan;
9. Trung tâm dữ liệu và Công nghệ thông tin;
10. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực I;
11. Chi cục hải quan cảng Hải Phòng khu vực II;
12. Chi cục Hải quan Cảng Hải Phòng khu vực III;
13. Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư gia công;
14. Chi cục Hải quan KCX, KCN Hải Phòng;
15. Chi cục Hải quan Thái Bình;
16. Chi cục Hải quan Hải Dương;
17. Chi cục Hải quan Hưng Yên.





(Nguồn: Văn phòng Cục Hải quan Hải Phòng)  
 Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hải quan Hải Phòng



Một số hình ảnh trong công việc của cán bộ Hải quan Hải Phòng

Đến nay Cục Hải quan Hải Phòng gồm 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 09 Chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 08 phòng ban tham mưu, 03 đơn vị tương đương (Trung tâm DL&CNTT là đơn vị tương đương cấp phòng; Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt) để phù hợp với tình hình mới.

Với chức năng, nhiệm vụ: quản lý nhà nước về lĩnh vực Hải quan trên địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hải Dương và Thái Bình. Trải qua hơn nửa thế kỷ trưởng thành và phát triển, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng trở thành một đơn vị điển hình của Hải quan Việt Nam với rất nhiều thành tích xuất sắc. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội

lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về Hải quan; Liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan. Cục Hải quan Hải Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu như: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006); Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương độc lập hạng Nhì; Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; UBND TP Hải Phòng và 3 tỉnh Thái Bình, Hưng yên, Hải Dương tặng nhiều cờ thi đua và bằng khen. Hàng trăm lượt cá nhân, tập thể được nhận Bằng khen của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Thành phố Hải Phòng, các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên. Cục Hải quan Hải phòng phấn đấu đến năm 2015 được tặng thưởng Huân chương độc lập hạng nhất.

Vài năm trở lại đây, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc với sự phục hồi và tăng trưởng ổn định của các nền kinh tế lớn, hoạt động thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng cải thiện rõ rệt là yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước, nổi bật về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, thu hút khách quốc tế và đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, việc gia tăng bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng với những điều chỉnh chính sách của Mỹ và một số nước lớn đã tác động đáng kể tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, nổi lên là sự sụt giảm của ngành khai khoáng; giá nông sản, thực phẩm giảm mạnh tác động tiêu cực đến chăn nuôi, thiên tai, bão, lũ gây thiệt hại nặng nề tại nhiều địa phương.

- Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về Hải quan như Luật Quản lý ngoại thương; Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, Luật quản lý sử dụng tài sản công...

Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực

hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng các ngành, lĩnh vực.



*Hàng container chờ làm thủ tục sau thông quan (Nguồn: Internet)*

Cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và Thành ủy, UBND thành phố Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, toàn thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động, Cục Hải quan Hải phòng đã giữ vững đoàn kết nội bộ, tập trung nguồn lực triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã đề ra và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực công tác.

### **2.1.2. Hoạt động của Hải quan Hải Phòng**

Nhằm bám sát mục tiêu của “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020”, và “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016-2020”, Cục Hải quan TP Hải Phòng đã triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại một cách quyết liệt ở tất cả các khâu từ xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật; giải quyết thủ tục hành chính; đến ứng dụng CNTT... trong công tác giám sát quản lý, xây dựng đội ngũ CBCC hiện đại,

chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hải quan theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.

Với việc tập trung triển khai các đề án “Giám sát, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua khu vực kho, bãi, cảng Hải Phòng trên Hệ thống thông quan điện tử”, “Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu” nhằm cải cách thủ tục ngay trong nội bộ Cục Hải quan theo hướng tin học hóa, đơn giản hóa, hợp lý hóa các công đoạn nghiệp vụ góp phần giảm bớt áp lực, tạo điều kiện thuận lợi cho công chức thực thi nhiệm vụ và rút ngắn thời gian thông quan.

Trong năm 2017, thực hiện Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính chỉ tiêu thu nộp NSNN của Cục Hải quan TP Hải Phòng được giao là 59.000 tỷ đồng, tăng 21,4% so với chỉ tiêu giao năm 2016 và tăng 23,5% so với số thực hiện thu năm 2016, tức là bình quân phải thu 4.916 tỷ/tháng. Ngày 30/6/2017, Tổng cục Hải quan có công văn số 4413/TCHQ-TXNK giao bổ sung chỉ tiêu thu NSNN năm 2017 tối thiểu phải đạt của Cục Hải quan TP Hải Phòng là 52.000 tỷ đồng.

Trước bối cảnh các Hiệp định thương mại tự do (FTA) bước vào giai đoạn cắt giảm sâu thuế nhập khẩu, đặc biệt đối với các mặt hàng có kim ngạch lớn, thuế suất cao, số thu chiếm tỷ trọng lớn đã có tác động trực tiếp không thuận lợi đến công tác thu NSNN, đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, do đó Cục Hải quan TP Hải Phòng ngay từ những ngày đầu năm đã chỉ đạo đơn vị chủ động tổ chức triển khai quyết liệt và đồng bộ hệ thống các giải pháp, biện pháp để thực hiện nhiệm vụ thu nộp NSNN ở mức cao nhất thông qua các công việc:

Triển khai thực hiện Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 về việc Ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập và Quyết định số 38/2017/QĐ-Ttg ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định việc chuyển cửa khẩu đối với hàng nhập khẩu về làm thủ tục hải quan tại cảng cạn ICD Mỹ Đình, thành phố Hà Nội. Ban hành Danh mục chi tiết tên hàng, mã HS trên cơ sở Danh mục hàng hoá nhập khẩu phải làm thủ tục hải

quan tại cửa khẩu nhập kèm theo Quyết định 15/2017/QĐ-TTg; Ban hành công văn số 12615/HQHP-GSQL ngày 04/10/2017 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 38/2017/QĐ-TTg; Báo cáo Tổng cục Hải quan các vướng mắc về những chứng từ người khai hải quan phải xuất trình cho cơ quan hải quan để chứng minh hàng hóa thuộc đối tượng được vận chuyển độc lập về các địa điểm thông quan nội địa (ICD). Thực hiện Thông tư số 07/2017/TT-BKHCHN ngày 16/6/2017 của Bộ Khoa học công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và công nghệ; Ban hành công văn số 12807/HQHP-GSQL ngày 09/10/2017 và công văn số 13188/HQHP-GSQL ngày 16/10/2017 hướng dẫn thực hiện thông quan đối với hàng hóa kiểm tra chất lượng thuộc trách nhiệm quản lý Bộ Khoa học và công nghệ theo đúng Luật Hải quan, Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa trong khi chờ hướng dẫn của Tổng cục hải quan; Triển khai thực hiện Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ về việc quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan và Thông tư số 84/2014/TT-BTC ngày 08/9/2017; Ban hành công văn số 11363/HHQP-GSQL ngày 08/9/2017 hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư 11/2017/TT-BCT ngày 28/7/2017 qui định về hoạt động tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu hàng hóa; Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa từ cảng về địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; Thực hiện rà soát bến cảng thuộc thành phố Hải phòng kể cả những bến cảng đã được công bố thuộc hệ thống cảng biển Việt Nam nhưng nhiều năm không có phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, không có hoạt động XNK, không đủ điều kiện giám sát quản lý của cơ quan hải quan; Báo cáo TCHQ về vướng mắc địa bàn hoạt động Hải quan tại cửa khẩu cảng thủy nội địa và các bến cảng nhiều năm không có hoạt động xuất nhập khẩu; Tiến hành kiểm tra thực tế Khu vực trung chuyển tại bến cảng Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ, Kho xăng dầu Cát Bi của Công ty cổ

phần nhiên liệu bay Petrolimex, Địa điểm đề nghị công nhận kho ngoại quan, kho CFS của Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept CN Miền Bắc; Xây dựng dự thảo Quy trình kiểm tra, giám sát đối với hoạt động thu đổi ngoại tệ tại khu vực cách ly xuất cảnh và khu vực hạn chế nhập cảnh sân bay quốc tế Cát Bi của CN Công ty CP Sóng Việt tại Hải Phòng.

## 2.2 Thực trạng tình hình kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2018, tổng số doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan tại Hải quan Hải Phòng là 19.390 Doanh nghiệp. Tổng số tờ khai XNK đã làm thủ tục: 1.201.488 tờ khai. Trong đó gồm có: Tờ khai luồng xanh là 586.550 tờ khai chiếm 48,82 % tổng số tờ khai; Tờ khai luồng vàng là 546.247 tờ khai chiếm 45.46% tổng số tờ khai; Tờ khai luồng đỏ là 69.691 tờ khai chiếm 5.72% tổng số tờ khai.

Công tác kiểm tra thông quan đối với phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh qua Hải quan Hải phòng trong thời gian qua cũng có nhiều biến động được thể hiện tại bảng 2.1.

**Bảng 2.1: Thống kê số lượng phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng biển Hải Phòng**

Loại	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15 (%)		So sánh 17/16 (%)	
		Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
Phương tiện	Lượt	3802	3349	4560	4021	4530	4028	19.9	20.1	-0.65	17.4
Thuyền viên	Người	72699	63849	87330	76700	88849	80427	20.1	20.1	14.4	48.6

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng biển không đáng kể mà chủ yếu qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi.

**Bảng 2.2: Thống kê số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi năm 2017**

Loại	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15 (%)		So sánh 17/16 (%)	
		Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
Lượt tàu bay	Lượt	266	264	374	372	527	529	40,60	40,91	40,91	42,20
Khách Việt Nam	Người	15.678	15.987	18.298	19.788	25.343	29.286	16,71	23,78	38,50	48,00
Khách quốc tế	Người	21.987	20.245	27.117	26.778	38.045	37.546	23,33	32,27	40,30	40,21
Tổng hành khách	Người	37.665	36.232	45.415	46.566	63.388	66.832	20,58	28,52	39,58	43,52

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)*

Ngoài ra, để thực hiện các công việc và thủ tục kiểm tra sau thông quan, cục Hải quan Hải Phòng còn phải thực hiện các công việc liên quan đến công tác khác như: Thông báo văn bản mới, trả lời, hướng dẫn các Chi cục: 1.102 vụ; Trả lời, hướng dẫn doanh nghiệp: 164 vụ; Quyết định công nhận địa điểm kiểm tra tại nơi sản xuất, chân công trình của Doanh nghiệp: 208 quyết định; Báo cáo Tổng cục Hải quan: 371 vụ.

### 2.1.2.3. Công tác quản lý thuế

Thực hiện công văn số 2464/HQHP-TXNK ngày 09/3/2017 về các giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu NSNN; Theo dõi, phân tích kết quả thu, các yếu tố ảnh hưởng, tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ các nguồn thu sát khả năng thực tế. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn các lĩnh vực nghiệp vụ như: Khảo sát đánh giá công tác quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, tập huấn công tác kế toán theo Thông tư 174/2015/TT-BTC... để thực hiện thống nhất trong toàn Cục. Tổ chức kiểm tra nội bộ các đơn vị thuộc Cục trong lĩnh vực trị giá, mã số, quản lý nợ, thuế xuất nhập khẩu; Tập trung xử lý thu hồi thuế nợ đọng, theo dõi, đánh giá, phân tích tổng hợp tình hình nợ thuế của

toàn Cục, nghiên cứu chế độ chính sách có liên quan để tham mưu trình Lãnh đạo Cục chỉ đạo giải quyết đối với từng loại nợ cụ thể. Đẩy mạnh công tác chống thất thu qua giá, mã; thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung điều chỉnh Danh mục Quản lý rủi ro về giá đối với hàng hóa XK,...

#### 2.1.2.4 Kết quả thu ngân sách nhà nước

Bộ Tài chính giao nhiệm vụ thu NSNN theo Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 cho Cục HQTP Hải Phòng phải thu 59.000 tỷ, tăng 23,5% so với số thực hiện thu năm 2016, tức là bình quân phải thu 4.916 tỷ/tháng . Tính đến 31/10/2017: toàn Cục thu 43.759 tỷ đồng, đạt 74,17% so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao (59.000 tỷ), đạt 84,15% so với chỉ tiêu tối thiểu TCHQ giao (52.000 tỷ), tăng 13,58% so với cùng kỳ năm 2016 (38.527 tỷ đồng). Khu vực Hải Phòng thu 37.096 tỷ đồng, đạt 71,9% so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao (51.600 tỷ), đạt 82,1% chỉ tiêu tối thiểu (45.188 tỷ), tăng 15,37% so với cùng kỳ năm 2016 (32.154 tỷ). Dự kiến hết 31/12/2017: Cục Hải quan TP Hải Phòng quyết tâm thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ thuế chống thất thu NSNN, tối thiểu đạt chỉ tiêu TCHQ giao là 52.000 tỷ đồng.

**Bảng 2.3: Thực trạng kết quả thu ngân sách năm 2017**

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2016 (31/10/2017)	Kế hoạch BTC giao 2017	Năm 2017 (31/10/2017)	So sánh cùng kỳ năm 2016 (±%)	So với kế hoạch Bộ Tài chính giao (%)
<b>Tổng số thu</b>	<b>36.927.188</b>	<b>58.998.016</b>	<b>43.759.033</b>	<b>+18,05</b>	<b>74,17</b>
Thuế GTGT	27.061.709	38.093.460	28.874.843	+6,7	75,8
Thuế XK	156.532	222.001	171.496	+9,56	77,25
Thuế NK	4.246.247	15.382.540	9.017.245	+123,85	58,62
Thuế TTĐB	5.111.684	5.170.016	5.391.293	+5,47	104,28
Thu khác	351.017	129.998	304.156	-13,35	233,97

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)



Nguyên nhân chính làm cho số thu tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2016 do năm 2017 có thuế từ ô tô nguyên chiếc vận chuyển trên tàu RoRo trong khi 9 tháng đầu năm 2016 không có, nhưng vẫn chưa đạt so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao phải thu; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn Cục tăng nhưng xét theo các loại hình có thuế thì kim ngạch xuất khẩu có thuế và nhập khẩu có thuế vẫn tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2016. Cụ thể: Kim ngạch XNK toàn Cục đến 31/10/2017 khoảng 46.418 triệu USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2016, nhưng kim ngạch xuất khẩu có thuế đạt 132 triệu USD, giảm 48,4%, kim ngạch nhập khẩu có thuế đạt 13.234 triệu USD, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2016; Việt Nam thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), các mặt hàng có thuế sẽ ngày càng giảm, nhiều dòng hàng phải cắt giảm thuế suất về 0% vào các thời điểm khác nhau tùy từng FTA dẫn đến nguồn thu từ thuế XNK giảm theo; Cảng Hải Phòng là nơi có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn nhất miền bắc nhưng không phải toàn bộ hàng đều làm thủ tục tại Hải quan Hải Phòng mà vận chuyển độc lập, kết hợp về nơi khác làm thủ tục (như Cục Hải quan Hà Nội, Hồ Chí Minh...) nên Cục Hải quan Hải Phòng không thu thuế được của các mặt hàng chuyển đi, do đó ảnh hưởng đến số thu thuế của đơn vị; Một số DN tránh nộp phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng..., chủ yếu là hàng rời, hàng lỏng chuyển về các cảng khác thuộc Cục HQ Quảng Ninh, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh... (VD: Công ty xăng dầu Hải Linh) làm thủ tục.

*\* Tình hình nợ đọng thuế:*

**Bảng 2.4: Thực trạng về tình hình nợ đọng ngân sách năm 2017**

Loại nợ	Số nợ tại thời điểm 31/10/2017	Số nợ tại thời điểm 31/10/2016	Tăng/giảm	Tỷ lệ %	Số nợ tại thời điểm 31/12/2016	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
<b>Nợ chuyên thu</b>	<b>1.132</b>	<b>1.283</b>	<b>-152</b>	<b>-11,84</b>	<b>1.436</b>	<b>-305</b>	<b>-21,21</b>
<b>Quá hạn</b>	183	314	- 131	-41,77	460	-277	-60,18
<b>Cưỡng chế</b>	948	969	-21	-2,12	976	-28	-2,86
<b>Nợ tạm thu</b>	<b>196</b>	<b>263</b>	<b>-67</b>	<b>-25,66</b>	<b>242</b>	<b>-47</b>	<b>-19,31</b>
<b>Quá hạn</b>	16	52	-35	-68,22	31	-15	-47,02
<b>Cưỡng chế</b>	179	212	-32	-15,30	211	-32	-15,26
<b>Tổng</b>	<b>1.327</b>	<b>1.547</b>	<b>-219</b>	<b>-14,19</b>	<b>1.679</b>	<b>-351</b>	<b>-20,94</b>

(Nguồn: Phòng Thuế Xuất Nhập khẩu- Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Tổng số nợ của toàn Cục Hải quan TP. Hải Phòng tính đến ngày 31/10/2017 là 1.327 tỷ đồng, giảm 219 tỷ đồng (-14,19%) so với số nợ tại thời điểm 31/10/2016 và giảm 351 tỷ đồng (-20,94%) so với số nợ tại thời điểm 31/12/2016.

*\* Số liệu thu hồi và xử lý nợ theo chỉ tiêu giao:*

Số nợ thuế chuyên thu quá hạn được giao theo chỉ tiêu tại Quyết định 1084/QĐ-TCHQ ngày 31/3/2017 của Tổng cục Hải quan là: 125,81 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/10/2017, số nợ chuyên thu quá hạn đã thu hồi/xử lý nợ theo chỉ tiêu giao là 98,34 tỷ đồng đạt 78% so với chỉ tiêu giao.

*\* Các giải pháp cụ thể để thu nợ đọng:*

- Các Chi cục thường xuyên rà soát số nợ phát sinh tại đơn vị, đánh giá tình trạng của từng doanh nghiệp để đưa ra biện pháp xử lý nợ;

- Thực hiện tốt các biện pháp đôn đốc nợ và các biện pháp cưỡng chế được quy định tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính Phủ; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ; Thông tư 155/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 của Bộ Tài chính.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan có chức năng có liên quan (Ủy ban nhân dân, cơ quan công an,...) để thu đòi nợ.

- Tăng cường phối hợp với cơ quan Hải quan cửa khẩu xuất để xác minh các lô hàng chưa có xác minh thực xuất, đặc biệt các tờ khai đã có hồi báo yêu cầu Hải quan cửa khẩu xuất xác minh làm rõ tình trạng lô hàng.

*\* Tôn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong công tác quản lý thuế:*

- Lĩnh vực chính sách: Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được ban hành nhưng còn nhiều vướng mắc, bất cập trong quy định về đối tượng miễn thuế, hoàn thuế.

- Lĩnh vực kế toán: Hệ thống kế toán tập trung vẫn chưa đáp ứng được các quy định mới của văn bản pháp quy, cụ thể: đến nay vẫn chưa lập được Bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán theo quy định tại thông tư 174/2015/TT-BTC, hệ thống KTT chưa tính đúng tiền chậm nộp thuế của các quyết định ấn định, công chức hải quan vẫn phải thực hiện rà soát lại và thực hiện tính thủ công nhiều trường hợp.

- Cục đã có nhiều báo cáo vướng mắc nhưng Tổng cục Hải quan còn chậm hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa rõ như:

+ Thông tin kiểm tra trị giá đã được ghi nhận trước đó không được tự động cập nhật khi tờ khai nhảy số, Cục đã có công văn số 111/HQHP-TXNK ngày 11/09/2017 báo cáo Tổng cục Hải quan nhưng trả lời chưa triệt để.

+ Vướng mắc khi cập nhật thông tin trên hệ thống GTT02 đối với trường hợp sau tham vấn doanh nghiệp khai báo bổ sung, Cục đã có công văn số 5404/HQHP-TXNK ngày 30/06/2016 báo cáo Tổng cục Hải quan và được trả lời tại công văn số 118/VP-TH ngày 07/09/2017 nhưng nội dung chưa rõ.

+ Vướng mắc trong việc xử lý thuế của Công ty CP Container CAS Việt Nam kéo dài từ năm 2015 đến nay vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể.

- TCHQ yêu cầu nhiều loại báo cáo với nhiều tiêu chí làm thủ công gây mất thời gian và tốn nhân lực. Ví dụ: các loại báo cáo nợ theo công văn

6853/TCHQ-TXNK ngày 20/10/2017, công văn 3878/TXNK-DTQLT ngày 11/10/2017, 804/TCHQ-TXNK ngày 14/02/2017.

*\*Công tác xử lý vi phạm giải quyết khiếu nại, bán hàng tịch thu và tiêu hủy hàng hóa:*

**Bảng 2.5: Tình hình xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại**

ĐVT: Vụ

Kết quả	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	So sánh	
				16/15	17/16
Buôn lậu và vận chuyển trái phép	6	8	11	33,33	37,5
Ma túy	4	4	4	0	0
Vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng giả	1	0	2	100	-100
Vi phạm hành chính	5798	5762	5501	-0,62	-4,53
Vi phạm khác	0	0	0	0,00	0
<b>Tổng số</b>	<b>5809</b>	<b>5774</b>	<b>5518</b>	<b>-0,60</b>	<b>-4,43</b>

(Nguồn: Phòng Tham Mưu Xử Lý - Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Kết quả xử lý vi phạm pháp luật hải quan bằng hình thức hành chính: Phạt tiền 5.501 vụ; số tiền 40.722.978.003 đồng (trong đó, riêng Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt hơn 19,5 tỷ đồng). Đến hết 31/12/2017: Số vụ phạt tiền 6.398 vụ; số tiền phạt 47.510.141.003 đồng; Trị giá tang vật bị tịch thu bán đấu giá 12.102.000.000 đồng, đến hết 31/12/2017 là 13.140.500.000 đồng; Tổng số nộp Ngân sách 52.824.978.003 đồng, đến hết 31/12/2017 là 60.650.640.003 đồng.

Kết quả xử lý vi phạm pháp luật hải quan bằng hình thức hình sự: Hải quan ra quyết định khởi tố: 03 vụ, trị giá 2.363.210.000 đồng; Chuyển cơ quan khác đề nghị khởi tố: 02 vụ, trị giá: 1.251.000.000 đồng.

**Bảng 2.6: Tỷ lệ phân luồng tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng**

ĐVT: Tờ khai

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Số tờ khai luồng xanh	585.416 (chiếm 48,88%)	527.012 (chiếm 49,82%)
Số tờ khai luồng vàng	543.495 (chiếm 45,38%)	467.665 (chiếm 44,21%)
Số tờ khai luồng đỏ	68.723 (chiếm 5,74%)	63.181 (chiếm 5,97%)
<b>Tổng</b>	<b>1.197.634</b>	<b>1.057.858</b>

(Nguồn: Văn Phòng Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

Ta thấy số lượng tờ khai luồng xanh giảm, luồng vàng tăng và luồng đỏ có giảm. Tuy nhiên lượng tăng giảm này không đáng kể.

So với năm 2016 thì tổng số tiêu chí được thiết lập qua hệ thống cơ sở dữ liệu VCIS và được kiểm tra qua máy soi tăng lên rõ rệt, điều đó chứng tỏ việc hiện đại hóa công tác kiểm tra sau thông quan ngày càng được quan tâm áp dụng.

**Bảng 2.7: Số lượng tiêu chí thiết lập trên VCIS<sup>1</sup> tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng**

Tiêu chí	Tổng lượng		Kiểm tra qua máy soi	
	Năm 2017 (tiêu chí)	So với năm 2016 (%)	Năm 2017 (Tiêu chí)	So với năm 2016 (%)
- Tổng số tiêu chí thiết lập trên hệ thống	943.787	192,5	896.192	189
- Tiêu chí rủi ro đã thanh loại	945.219	193,9	897.145	190

(Nguồn: Phòng Công Nghệ Thông tin - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

<sup>1</sup> Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ

**Bảng 2.8 Kết quả kiểm tra hàng hóa qua máy soi**

Địa điểm	Tổng số TK	Tổng số cont soi	Tổng số cont mở kiểm	Số TK vi phạm	Số cont vi phạm	Tỷ lệ vi phạm/cont soi	Tỷ lệ vi phạm/mở kiểm
MS Cố định	8825	12650	221	30	83	0.66%	37.56%
MS Di động	4392	6272	79	17	21	0.33%	26.58%
<b>Tổng</b>	<b>13217</b>	<b>18922</b>	<b>300</b>	<b>47</b>	<b>104</b>	<b>0.55%</b>	<b>34.67%</b>

(Nguồn: Phòng Quản lý Rủi Ro - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

**\*Công tác kiểm tra sau thông quan:**

Cùng với công văn số 133/HQHP-KTSTQ ban hành ngày 23/01/2017, để triển khai công tác theo Đề án đã được Lãnh đạo Cục phê duyệt, đảm bảo kế hoạch được thực hiện thông suốt, hoàn thành hết các nội dung và lộ trình đã xây dựng. Tổ chức Hội nghị KTSTQ trong toàn Cục vào ngày 12/5/2017 nhằm đánh giá đã đạt được từ khi thực hiện Luật Hải quan 2014 đề ra định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ tại Cục Hải quan trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Thành lập Tổ giải quyết vướng mắc cho DN của Chi cục KTSTQ theo công văn số 1123 CKTSTQ- Đ 4 ngày 11/7/2017. Tổ chức lễ công bố Quyết định công nhận chế độ DNUT đối với Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng (ngày 24/7/2017) và Công ty TNHH Fuji Xerox Hải Phòng (ngày 20/9/2017).

Các biện pháp nghiệp vụ đã triển khai: Tập hợp, báo cáo kịp thời các chủng loại hàng và doanh nghiệp gian lận để đưa vào quản lý rủi ro Danh mục hàng hoá và doanh nghiệp trọng điểm. Nhận xét chung về mặt hàng vi phạm, thủ đoạn, hành vi và loại hình vi phạm: Doanh nghiệp khai sai về mã số, thuế suất và trị giá hàng hoá XNK.

\* *Kết quả kiểm tra sau thông quan:* KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan: 1.138 vụ = 132% Kế hoạch, số vụ kiểm tra của Chi cục là 865 vụ; KTSTQ tại

trụ sở Doanh nghiệp: Ban hành 145 Quyết định đạt 91% kế hoạch Tổng cục giao (KTSTQ tại trụ sở Doanh nghiệp bao gồm cả địa bàn quản lý và ngoài địa bàn quản lý); Số thuế đã ban hành quyết định ấn định = 344,3 tỷ đồng; Số thực thu ngân sách = 288,3 tỷ đồng.

**Bảng 2.9 Kết quả thu ngân sách trong kiểm tra sau thông quan**

ĐVT: đồng

Lĩnh vực nghiệp vụ	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Trị giá	87.154.284.747	94.126.627.527	105.421.822.830
Mã số hàng hóa	81.242.563.045	95.866.224.394	103.535.522.345
Gia công - SXXK	24.553.269.252	25.289.867.329	33.888.422.221
Chính sách TM	28.013.496.762	31.375.116.374	45.493.918.742
<b>Tổng cộng</b>	<b>220.963.613.806</b>	<b>246.657.835.623</b>	<b>288.339.686.138</b>

(Nguồn: Phòng Quản lý Rủi Ro - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

\* Những vướng mắc chung về kiểm tra sau thông quan:

- Xác định trị giá không thống nhất giữa các đơn vị hải quan trong toàn ngành nên dẫn đến xung đột với doanh nghiệp tăng cao.

- Báo cáo sửa đổi DMRR chậm được xử lý và không nhận được văn bản trả lời của Cục Thuế XNK. Công văn 905/TCHQ-TXNK rất khó thực hiện với nhiều thông tin yêu cầu phải cung cấp trong nội dung báo cáo,...

- Vướng mắc về công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ chạy chậm, không đáp ứng được yêu cầu, thời điểm khai thác và cập nhật thông tin để xử lý công việc phải tăng cường làm thêm ngoài giờ;

- Nhiều trường hợp doanh nghiệp không đến làm việc theo Quyết định KTSTQ, không hợp tác, phối hợp, không ký biên bản kiểm tra, ...mất rất nhiều thời gian đôn đốc, xác minh;

- Công tác phân loại áp mã là công tác khó khăn, phức tạp, chính sách thuế còn nhiều bất cập chồng chéo. Trong cùng nhóm hàng hoặc các nhóm hàng có tên dễ lẫn có mức thuế suất khác nhau dẫn đến việc doanh nghiệp lợi dụng gian lận qua mã số làm cho việc phân loại áp mã khó kiểm soát và khó thống nhất trong toàn Cục Hải quan Hải phòng;

- Vướng mắc về tàu biển đã mua bán, chuyển quyền sở hữu của các DN Việt Nam nhưng không khai báo làm thủ tục nhập khẩu (đã có văn bản báo cáo, đề xuất nhưng chưa có ý kiến chỉ đạo);

- Vướng mắc trong quy định tại Biểu thuế xuất khẩu đối với mặt hàng Nhôm hợp kim chưa gia công về khái niệm, nhận biết, phân biệt giữa nhôm dạng thỏi và loại khác không phải dạng thỏi để làm cơ sở áp dụng mức thuế suất;

- Vướng mắc trong công tác phân loại đối với mặt hàng Túi trữ sữa cho trẻ em (đã báo cáo TCHQ nhưng chưa có ý kiến chỉ đạo xử lý dứt điểm);

- Vướng mắc trong công tác phân loại đối với mặt hàng xe điện 4 bánh chở người chạy trong sân gôn (xe chơi gôn và xe phục vụ sân gôn) với xe chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao, khu nghỉ dưỡng...

Thực hiện KTSTQ đối với DN thuộc quyết định số Quyết định số 246/QĐ-TCHQ, trên thực tế việc phê duyệt đề xuất KTSTQ của TCHQ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch công tác của đơn vị. Một số trường hợp không được phê duyệt và chuyển thông tin cho Cục kiểm tra sau thông quan thực hiện

## **2.2. Thực trạng kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng gia công xuất khẩu - những vấn đề đặt ra**

### **2.2.1. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng lớn/thường xuyên**

Đối với mặt hàng gia công xuất khẩu lớn/ thường xuyên thường xảy ra một số hiện tượng vi phạm phổ biến như:

- Gian lận về định mức sử dụng, tiêu hao nguyên liệu, vật tư gia công, sản xuất xuất khẩu để tiêu thụ trái phép nguyên liệu, vật tư, sản phẩm trong nội địa;



- Vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm gia công, SXKK, chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ kế toán, sổ kế toán, hồ sơ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Gian lận về chủng loại, chất lượng nguyên liệu nhập khẩu với sản phẩm xuất khẩu;
- Xuất không, khai tăng số lượng sản phẩm so với thực tế xuất khẩu để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa;
- Khai sai về số lượng nguyên vật liệu nhập khẩu so với thực tế;
- Chuyển giao nguyên phụ liệu giữa các hợp đồng gia công để hợp thức hóa số nguyên liệu đã bán;
- Lợi dụng việc thuê và nhận gia công nội địa để tiêu thụ nguyên phụ liệu, thành phẩm vào nội địa; Bán nguyên vật liệu, thành phẩm vào thị trường nội địa mà không khai báo Hải quan để trốn thuế, gian lận thuế;
- Chuyển tiêu thụ nội địa (khai báo loại hình A42) để gian lận, trốn thuế thông qua việc khai sai về mã số, thuế suất, trị giá...;
- Lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên, phụ liệu không đúng thực tế sản xuất;
- Lợi dụng hoạt động gia công, SXKK để nhập khẩu hàng cấm, hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành.

Trên cơ sở chi tiết các dấu hiệu vi phạm này, tác giả xin đưa ra giải pháp cụ thể để có thể phát hiện và triển khai công tác kiểm tra sau thông quan đối với các mặt hàng gia công xuất khẩu với khối lượng lớn/ thường xuyên.

### ***2.2.2. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng liên ngành***

Đối với hành liên ngành, công tác kiểm tra sau thông quan thường chứa đựng những rủi ro ở lĩnh vực chính sách yêu cầu phải có giấy phép, giấy chứng nhận từ các cơ quan liên ngành thì mới đảm bảo được các điều kiện làm thủ tục tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Qua nghiên cứu tìm hiểu, tác giả xin được chia thành 4 nhóm rủi ro bao gồm rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế, rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế, rủi ro về xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu và rủi ro về XK hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

*\* Thực trạng rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế*

Có thể thống kê các dấu hiệu vi phạm liên quan đến các mặt hàng chuyên ngành như sau:

- Hàng hóa XK tương tự hoặc có đặc điểm giống với hàng hóa thuộc lô hàng XK gian lận về chính sách quản lý hàng hóa XK đã bị xử lý trước đó.

- Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục rủi ro về chính sách quản lý hàng hóa XK (cấm XK, tạm ngừng XK, xuất khẩu phải có giấy phép, XK có điều kiện...).

- Thông tin khai báo hải quan về tính chất đóng gói, mô tả hàng hóa chung chung, không rõ ràng, tuyến đường vận chuyển lòng vòng qua nhiều nước khác nhau, liên tục thay đổi cảng trung chuyển.

- Doanh nghiệp có dấu hiệu liên kết hoạt động với doanh nghiệp đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm chính sách quản lý hàng hóa XK.

- Có dấu hiệu tẩy xóa hoặc làm giả chứng từ cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện XK hàng hóa.

*\* Vấn đề rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế*

Các dấu hiệu vi phạm liên quan đến các mặt hàng chuyên ngành như sau:

- Nội dung không thống nhất về mô tả hàng hóa giữa hợp đồng tiếng Anh và tiếng Việt, giữa chứng từ lưu tại cơ quan hải quan và chứng từ thanh toán của doanh nghiệp do ngân hàng thương mại cung cấp (hợp đồng thương mại, hóa đơn, phiếu đóng gói, C/O...).

- Hàng hóa XK thuộc danh mục hàng hóa rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế.

- Doanh nghiệp đã từng bị xử lý vi phạm hoặc có dấu hiệu liên kết với doanh nghiệp đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm liên quan đến gian lận về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế.

- Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư quá chu kỳ sản xuất nhưng không có sản phẩm xuất khẩu; hoặc XK hàng hóa không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực đầu tư.

- Doanh nghiệp hàng hóa phục vụ dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực, địa bàn đầu tư được miễn thuế.

- Doanh nghiệp không xin điều chỉnh vốn nhưng vẫn tiếp tục đăng ký bổ sung Danh mục hàng hóa miễn thuế và nhập khẩu vượt phần vốn quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

- Doanh nghiệp sử dụng máy móc không đúng số lượng, chủng loại, mục đích miễn thuế.

- Tổng trị giá hàng hóa của doanh nghiệp được miễn thuế vượt quá mức tổng giá vốn đầu tư được phê duyệt tại Giấy chứng nhận đầu tư.

*\* Vấn đề rủi ro về xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu*

- Hàng hóa XK thuộc danh mục hàng hóa rủi ro về xuất xứ.

- Doanh nghiệp không có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp nhà máy; xưởng sản xuất; kho hàng; phương tiện vận tải và các cơ sở vật chất khác phục vụ cho hoạt động sản xuất.

- Doanh nghiệp XK hàng hóa từ Trung Quốc hoặc các nước khác mà các mặt hàng này tương tự hoặc gần giống mặt hàng xuất khẩu (XK) của doanh nghiệp có dán nhãn mác xuất xứ Việt Nam.

- Lượng nguyên liệu đầu vào trong nước ít, không tương xứng đối với số lượng sản phẩm XK.

- Doanh nghiệp XK, tăng đột biến các mặt hàng trùng với các mặt hàng bị áp chống bán phá giá, tự vệ hoặc đang điều tra.

*\* Vấn đề rủi ro về XK hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*

- Hàng hóa XK, thuộc danh mục hàng hóa rủi ro về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Hàng hóa XK, tương tự hoặc có đặc điểm giống với hàng hóa thuộc lô hàng XK đã bị xử lý vi phạm về hàng giả, xâm phạm SHTT trước đó.

- Hàng hóa XK được chủ sở hữu quyền SHTT, nhà sản xuất, đại lý độc quyền, nhà phân phối và các cơ quan nhà nước có liên quan cảnh báo về nguy cơ vi phạm hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Doanh nghiệp đã từng bị xử lý vi phạm hoặc có dấu hiệu liên kết với doanh nghiệp đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm về XK hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

**2.2.3. Kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng đặc biệt**

Những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công xuất khẩu không ngừng tăng lên. Theo thống kê, nếu như năm 2014, cả nước có khoảng 4.602 doanh nghiệp thì đến cuối năm 2017, con số này tăng lên 8204 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp gia công xuất khẩu tăng lên 8204 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp gia công xuất khẩu chủ yếu hoạt động sản xuất trong lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, đồ gỗ, cơ khí,... Về địa bàn hoạt động, hầu hết tập trung ở 11 tỉnh, thành phố: Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh.

Theo số liệu tổng hợp về kết quả KTSTQ của toàn Ngành hải quan năm 2016 và 2017 cho thấy: Năm 2016: Số tiền thực thu Ngân sách về KTSTQ loại hình gia công xuất khẩu là 392 tỷ đồng, chiếm 15% trong tổng thu ngân sách về KTSTQ. Năm 2017: Số tiền thực thu Ngân sách về KTSTQ loại hình Gia công xuất khẩu là 797 tỷ đồng, tăng 2.03 lần so với năm 2016, chiếm 36% tổng thu Ngân sách về KTSTQ, đối với loại hình khác số thu Ngân sách là 1434 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 64%.

Các sai phạm của doanh nghiệp được phát hiện thông qua công tác KTSTQ chủ yếu là do vi phạm về chính sách quản lý và sử dụng, đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thuộc gia công xuất khẩu, trong đó nổi cộm là vi phạm về định mức.

Trong thực tế hoạt động gia công xuất khẩu của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải xây dựng định mức sử dụng để sản xuất sản phẩm, phải lên kế hoạch mua nguyên liệu, vật tư và để cấp phát nguyên liệu, vật tư từ kho cho các dây chuyền sản xuất. Đồng thời theo quy định phải sử dụng định mức này (bao gồm cả tỷ lệ phần trăm hao hụt thực tế) để thực hiện khai báo, quyết toán, thanh khoản hợp đồng gia công; để thực hiện thủ tục hoàn thuế/không thu thuế, miễn thuế theo quy định. Định mức thực tế sản xuất, do chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào,... Tuy nhiên, không tránh khỏi đó là có một số doanh nghiệp đã lợi dụng vấn đề định mức để gian lận bất chính.

### **2.3. Tiểu kết chương 2 và nhiệm vụ chương 3**

Chương 2 đã giới thiệu chung về Cục Hải quan Hải Phòng, những kết quả đạt được của Cục Hải quan Hải Phòng nói chung và của sau thông quan nói riêng. Bên cạnh đó, chương 2 cũng đã phân tích ba thực trạng các vấn đề liên quan đến các giải pháp kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu, chỉ ra cụ thể các dấu hiệu rủi ro liên quan đến các mặt hàng lớn thường, các mặt hàng yêu cầu kiểm tra liên ngành và mặt hàng đặc biệt. Trên cơ sở đó đi tìm ra các giải pháp cụ thể để có thể phát hiện các sai phạm khi kiểm tra sau thông quan đối với các mặt hàng lớn thường, các mặt hàng yêu cầu kiểm tra liên ngành và mặt hàng đặc biệt để mang lại hiệu quả thu thuế cho nhà nước, tăng cường tính tuân thủ pháp luật về hải quan của doanh nghiệp và tạo một môi trường cạnh tranh lành mạnh trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới tại Chương 3.

### **CHƯƠNG 3: XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN HÀNG GIA CÔNG XUẤT KHẨU TẠI CẢNG HẢI PHÒNG**

#### **3.1. Xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam Việt Nam hòa nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023**

##### ***3.1.1 Thống nhất quan điểm chỉ đạo***

Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2023 quán triệt các quan điểm sau:

a. Đảm bảo sự lãnh đạo, quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật.

c. Lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hóa chung của Hải quan Việt Nam. Kết hợp phát huy nội lực là chính với tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

d. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các Bộ, ngành, địa phương mà trong đó ngành Hải quan là nòng cốt và trên cơ sở giám sát, thực hiện của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

##### ***3.1.2 Mục tiêu phấn đấu***

Xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi

phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Xây dựng lực lượng Hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu có trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, phát triển du lịch, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



### **3.1.3. Nhiệm vụ cụ thể**

#### **3.1.3.1. Về thể chế**

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế; xây dựng hệ thống pháp luật Hải quan hiện đại bao gồm đầy đủ các quy định về: thủ tục hải quan, chế độ quản lý hải quan và các cơ chế tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, các quy định về quản lý thuế, kiểm soát biên giới, chế tài, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, quy định quyền hạn của cơ quan hải quan tương xứng với trách nhiệm thực thi pháp luật hải quan, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan.

#### **3.1.3. 2. Về công tác nghiệp vụ hải quan**

Phấn đấu đến năm 2020 và các năm sau đó, về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan phải đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại các địa bàn trọng điểm; thực hiện việc trao đổi thông tin trước khi hàng đến, thanh toán, quản lý các giấy phép bằng phương thức điện tử; thực hiện cơ

chế doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt về thủ tục và an ninh theo các chuẩn mực của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO); áp dụng phương pháp quản lý rủi ro một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan. Từ năm 2012, từng bước xử lý dữ liệu thông quan tập trung tại cấp Cục Hải quan; thực hiện cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN.

Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế ngang tầm với các nước trong khu vực. Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo lợi ích quốc gia, hạn chế những thách thức, bất lợi phát sinh trong quá trình hội nhập. Đảm bảo nguồn thu của Ngân sách Nhà nước.

Tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản và phòng, chống có trọng điểm, hiệu quả hoạt động buôn lậu, vận chuyển các mặt hàng cấm qua biên giới. Triển khai thực hiện các cam kết quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác hải quan về kiểm soát chung. Thực hiện việc áp dụng các hàng rào kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đến năm 2020 và các năm sau đó, hoạt động kiểm tra sau thông quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả, dựa trên phương pháp quản lý rủi ro với quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với các biện pháp chế tài, xử lý nghiêm minh.

### *3.1.3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực*

Xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan hiện đại và theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường sự quản lý của Nhà nước, góp phần giữ gìn an ninh, an toàn quốc gia. Xây dựng lực lượng hải quan có trình độ chuyên nghiệp, hoạt động minh bạch, liêm chính, có hiệu lực, thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường, công nghệ và yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế.





#### *3.1.3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin thời đại cách mạng công nghiệp 4.0*

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan hiện đại trên nền tảng tập trung hóa xử lý dữ liệu, tích hợp đầy đủ các chức năng, xử lý hồ sơ hải quan điện tử, manifest điện tử, thanh toán điện tử, giấy phép điện tử; xây dựng các trung tâm xử lý dữ liệu cấp vùng đạt mức độ 2+ trở lên, trung tâm xử lý dữ liệu ngành đạt mức độ 3+ trở lên, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn an ninh, an toàn cao (24/24 và 24/7) và quản lý theo hướng dịch vụ; xây dựng cổng thông tin điện tử kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan, thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia và một cửa khu vực ASEAN.

Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu thông kê nhà nước về hải quan làm cơ sở cho việc theo dõi, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động khác phục vụ kịp thời cho công tác hoạch định, chỉ đạo, điều hành về các chính sách kinh tế, thương mại và thuế của các cơ quan nhà nước.

#### *\*Ứng dụng công nghệ phân tích và tổng hợp phân tích dữ liệu tự động:*

Ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn( Big Data) vào công tác thu thập thông tin, phân tích dữ liệu doanh nghiệp( đã xây dựng danh sách 750 doanh nghiệp trọng điểm KTSTQ ban hành kèm Quyết định) để chỉ đạo việc KTSTQ có hiệu quả.

Hoàn thành việc xây dựng yêu cầu nâng cao nghiệp vụ nâng cấp hệ thống STQ01 theo hướng tự động thu thập tổng hợp thông tin dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp XNK và hàng hóa XNK từ các hệ thống cơ sở dữ liệu trong và ngoài ngành kết hợp với tiêu chí quản lý rủi ro để phân tích lựa chọn

đối tượng cần KTSTQ. Dự kiến hệ thống sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng Quý I năm 2019.



*\* Trang bị máy móc thiết bị hiện đại:*

Bên cạnh việc ứng dụng CNTT vào hoạt động KTSTQ thì việc trang bị máy móc, công cụ hiện đại phục vụ công tác KTSTQ cũng đã được triển khai tại Cục Hải quan Hải Phòng. Cục Hải quan đã trang bị hệ thống máy kiểm tra tài liệu hiện đại (Doculab 2600). Thông qua hệ thống này, phát hiện sơ bộ các dấu hiệu làm giả, tài liệu trong bộ hồ sơ hải quan.

*\* Tổ chức các hội nghị chuyên đề liên tỉnh:*

Cục Hải quan Hải Phòng tiếp tục chủ trì và phối hợp nhiều đơn vị tổ chức thành công Các Hội thảo nhằm nâng cao kỹ năng KTSTQ về các lĩnh vực cho lực lượng KTSTQ, như chuyên đề về ô tô tải, camera, vòi, quặng các loại,...

*\* Mục tiêu phấn đấu trong năm tiếp theo 2019-2023 [9]*

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã giao lực lượng KTSTQ Hải Phòng thực hiện qua công tác KTSTQ đạt tối thiểu 2000 tỷ đồng và số cuộc KTSTQ tại trụ sở người khai Hải quan đạt 1240 cuộc trong giai đoạn 2018-2020. Trong bối cảnh lực lượng KTSTQ năm đầu tiên triển khai mô hình mới, Cục Hải quan Hải Phòng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao thông qua việc chú trọng phân tích thông tin nhóm hàng đặc biệt có rủi ro cao về trị giá, mã số, thuế suất.

Cục Hải quan Hải Phòng tiếp tục tập trung KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan, chú trọng thu thập thông tin, phân tích đánh giá rủi ro kiểm tra tính

tuân thủ pháp luật các doanh nghiệp, tập đoàn lớn: lĩnh vực, mặt hàng, nhóm mặt hàng có rủi ro cao và các doanh nghiệp chưa được KTSTQ.

- Từ 2019-2023, lực lượng KTSTQ quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN qua công tác KTSTQ với số thu hoặc vượt chỉ tiêu được giao trong năm. Năm sau cao hơn năm trước 10%. Trong đó số thu của các Chi cục đạt 30%, Số thu về trị giá chiếm 40%.

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả tại các Chi cục tập trung đánh giá thông tin với những lô hàng luồng xanh có dấu hiệu rủi ro cao, các lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ về mã số, trị giá, C/O. Trong đó chú trọng các lô hàng về trị giá, đảm bảo không bỏ sót các lô hàng có trị giá thấp và tránh phiền hà cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh nâng cấp và ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng quản lý rủi ro trong việc thu thập thông tin doanh nghiệp phục vụ hoạt động KTSTQ.

- Triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý doanh nghiệp ưu tiên, tiếp tục hướng dẫn vướng mắc, nghiên cứu hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về doanh nghiệp ưu tiên đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kinh nghiệm các nước và thực tiễn tại Việt Nam.

*\* Mô hình mới về KTSTQ:*

- Tăng cường đào tạo bổ sung biên chế có trình độ nghiệp vụ cao khả năng sử dụng máy tính thành thạo, các phần mềm nghiệp vụ chuyên sâu đảm bảo công tác KTSTQ có hiệu quả.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai mô hình mới có hiệu quả tại khắp Cục Hải quan Hải phòng.

- Liên tục hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin sẵn có trong Cục Hải quan và nâng cấp để đạt được yêu cầu đánh giá tự động các tiêu chí quản lý rủi ro về thông tin doanh nghiệp, các lĩnh vực, nhóm hàng, mặt hàng có dấu hiệu vi phạm từ đó xây dựng kế hoạch, các chuyên đề cho các năm tiếp theo đảm bảo nguồn thu ổn định.

- Đề xuất kinh phí tổ chức các lớp học nghiệp vụ chuyên sâu về KTSTQ, kế toán, kiểm toán cho CBCC trong Cục, mời chuyên gia nước ngoài để tiếp thu các ứng dụng mới trong lĩnh vực KTSTQ. Đề xuất chương trình đào tạo cán bộ ở nước ngoài, trao đổi kinh nghiệm với các nước đang phát triển.

### *3.1.3.5. Một số chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện*

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử: đến 2020 có 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Thời gian thông quan hàng hóa đến 2020 bằng với mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại thời điểm 2010 và đến 2023 phấn đấu bằng với mức của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại cùng thời điểm. Đến 2020, 100% các Chi cục Hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2020 là 50% và đến 2023 là 90%. Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa đến 2020 là dưới 10% và đến 2023 phấn đấu đạt dưới 7%. Tập trung hóa xử lý dữ liệu điện tử của hệ thống thông quan hải quan vào năm 2020 [9].

## **3.2 Định hướng của Hải quan Hải Phòng trong xu hướng hội nhập của Hải quan Việt Nam**

Theo đánh giá tại Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, tình hình chung của thế giới và khu vực và tình hình trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro, kinh tế Việt Nam còn nhiều tồn tại, yếu kém. Trong bối cảnh đó, để hoàn thành nhiệm vụ được giao Cục Hải quan TP Hải Phòng xác định phương hướng nhiệm vụ trong những năm 2019-2023 với những nội dung trọng tâm sau:

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 ở mọi mặt trận, thực hiện chủ đề: “Cải tiến phương pháp quản lý, ứng dụng CNTT trong kiểm soát công việc trên tất cả các lĩnh vực”, hướng tới mục tiêu không để sót, lọt, tồn việc, chậm xử lý hồ sơ nghiệp vụ do lỗi chủ quan của CBCC. Chú trọng công tác xây dựng lực lượng Hải quan trong sạch, vững mạnh.

Quán triệt toàn thể CBCC thực hiện chủ đề: “Cải cách - Kỷ cương - Chuyên nghiệp” và phương châm công vụ của Cục Hải quan TP Hải Phòng: “Tận tình hướng dẫn - Thái độ lịch sự - Tác phong nhanh nhẹn”; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tập thể lãnh đạo và công chức thừa hành trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

*Duy trì kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi nhiệm vụ, chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng:*

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổ chức thực hiện Quy định về văn hóa ứng xử của CBCC Hải quan Việt Nam; Đẩy mạnh kiểm tra hoạt động công vụ; giám sát trực tuyến hoạt động công vụ tại Phòng quan sát camera và Kế hoạch kiểm tra nội bộ của Cục Hải quan Hải phòng năm 2018. Kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp Cục khi có phê duyệt của Tổng cục Hải quan; Đánh giá tình hình biên chế, nhân sự tại các đơn vị thuộc Cục để bố trí lại lực lượng giám sát tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu sau khi Đề án kiểm tra, giám sát hàng hoá chính thức triển khai; Xây dựng kế hoạch khảo sát, đánh giá trình độ, năng lực quản lý của Lãnh đạo cấp Tổ, đội thuộc Cục Hải quan Hải phòng.

*Cải cách hiện đại hóa Hải quan, đơn giản hoá thủ tục Hải quan:*

Đảm bảo thực hiện yêu cầu quản lý dựa trên quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan cấp trên, đồng thời chú trọng xây dựng, phát triển môi quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp đồng hành,

chia sẻ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp an tâm đến làm TTHQ tại Cục Hải quan.

Thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh và kế hoạch triển khai Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Tập trung rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính với mục tiêu giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa theo chỉ đạo của Chính Phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan. Trong đó chú trọng vào nghiên cứu tham gia ý kiến và triển khai kịp thời Nghị định 08/2015/NĐ-CP sửa đổi và Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi; Tích cực trao đổi thông tin với các Hiệp hội, chủ động nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp [19].

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 980/QĐ-TCHQ về cải cách, phát triển hiện đại hóa Cục Hải quan TP Hải Phòng giai đoạn 2016- 2020; Tích cực thực hiện các Đề án: Kiểm tra, giám sát tự động đối với hàng hóa XK, NK qua khu vực kho bãi cảng Hải Phòng trên hệ thống điện tử; Quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm soát công việc và tra cứu nghiệp vụ trong thông quan; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết nối với doanh nghiệp phục vụ việc quản lý và xử lý báo cáo quyết toán đối với loại hình gia công, SXKK, chế xuất.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Hải quan và địa điểm kiểm tra tập trung tại Cảng Lạch Huyện; Quản lý cửa hàng miễn thuế theo Nghị định 167/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 về kinh doanh cửa hàng miễn thuế; Xây dựng trình tự thực hiện nghiệp vụ thủ tục hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng; Xây dựng trình tự kiểm tra công nhận kho bãi, địa điểm kiểm tra tập trung theo Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Thông tư 84/2017/TT-BTC ngày 08/9/2017.

*Hoàn thành nhiệm vụ thu nộp ngân sách nhà nước:*

Từ năm 2018 một số Biểu thuế ưu đãi đặc biệt có nhiều dòng hàng có mức thuế suất giảm sâu và về 0%, đặc biệt thuế nhập khẩu các dòng xe ô tô dưới 9 chỗ từ các nước ASEAN về Việt Nam sẽ giảm từ 30% về 0%, ảnh hưởng đến số thuế nhập khẩu mặt hàng này; Đồng thời Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động, sẽ làm giảm số thu thuế từ xăng dầu NK. Do vậy, Cục Hải quan TP Hải Phòng xây dựng quyết tâm chính trị hoàn thành nhiệm vụ thu nộp NSNN được giao:

Thường xuyên quán triệt, chỉ đạo và tăng cường kiểm tra CBCC trong việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thu NSNN, đảm bảo quản lý nguồn thu nhằm phấn đấu thu đạt và vượt dự toán thu NSNN 2018;

Tăng cường công tác quản lý nợ thuế: Đẩy mạnh đôn đốc thu hồi các khoản nợ để thực hiện thu hồi và thực hiện có hiệu quả biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng thủ tục, trình tự của pháp luật... Tăng cường các giải pháp chống thất thu, tăng thu ngân sách Nhà nước: Đẩy mạnh công tác KTSTQ, tập trung kiểm tra các doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao, nâng cao hiệu quả kiểm tra với các chuyên đề trên phạm vi toàn quốc; Công tác quản lý trị giá tính thuế, chống thất thu qua giá; Chống thất thu qua mã số hàng hóa; Chống thất thu về số lượng, chủng loại hàng;

Chủ động nghiên cứu văn bản mới; Báo cáo TCHQ khi có vướng mắc phát sinh; Kiểm tra rà soát các nghiệp vụ, báo cáo của các Chi cục để hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn Cục. (Ví dụ: Tiến hành khảo sát công tác miễn thuế, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác cấp Danh mục miễn thuế tại các Chi cục, Rà soát báo cáo kế toán khi TCHQ hoàn thiện chương trình kế toán trên máy...);

**Bảng 3.1: Dự báo kết quả thu Ngân sách nhà nước****(ĐVT: triệu đồng)**

<b>Năm</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
<b>Tổng số thu</b>	46,985,000	51,683,500	56,851,850	62,537,035	68,790,739
<b>Thuế GTGT</b>	32,000,000	35,200,000	38,720,000	42,592,000	46,851,200
<b>Thuế XK</b>	180,000	198,000	217,800	239,580	263,538
<b>Thuế NK</b>	9,100,000	10,010,000	11,011,000	12,112,100	13,323,310
<b>Thuế TTĐB</b>	5,400,000	5,940,000	6,534,000	7,187,400	7,906,140
<b>Thu khác</b>	305,000	335,500	369,050	405,955	446,551

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của cục Hải quan Hải Phòng)*

*Hoạt động chống gian lận thương mại:*

Tổ chức nắm tình hình hoạt động các đối tượng, đường dây, ổ nhóm, phương thức thủ đoạn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa và gian lận thương mại; Tăng cường bám sát địa bàn, đối tượng trọng điểm; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong trao đổi thông tin, phát hiện, bắt giữ và xử lý các hành vi vi phạm; Tập trung đấu tranh ngăn chặn kịp thời các hành vi buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, các chất ma túy qua biên giới, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt các mặt hàng có thuế suất cao như rượu, bia, thuốc lá... và các mặt hàng trọng điểm như động vật hoang dã, các chất ma túy, vũ khí, pháo nổ, văn hóa phẩm độc hại,... Đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu;

Trước mắt tập trung công tác thu thập thông tin, điều tra nghiên cứu nắm tình hình về loại hình đầu tư gai công, SX XK; về hành vi xuất không hoàn VAT; về hành vi chuyển giá, chuyển tiền; kiểm tra, kiểm soát đối với hàng nhập khẩu vận chuyển độc lập và vận chuyển kết hợp đến địa bàn Hà Nội, Bắc Ninh;



Bên cạnh Kế hoạch đấu tranh chống buôn bán trái phép chất ma túy trên địa bàn cảng biển đã xây dựng, tiếp tục triển khai công tác kiểm soát hải quan tại Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi TP Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch kiểm soát rủi ro số 37/QLRR-KSRR ngày 18/9/2017 để nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro; Triển khai có hiệu quả các Chuyên đề kiểm soát rủi ro theo kế hoạch của Tổng cục Hải quan; Phối hợp với Cục QLRR -TCHQ và các Chi cục Hải quan triển khai áp dụng hiệu quả 05 phiên bản tiêu chí phân luồng quyết định kiểm tra sau theo Kế hoạch của Tổng cục Hải quan

Nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật hồ sơ doanh nghiệp để phục vụ hữu hiệu cho quản lý, đánh giá rủi ro doanh nghiệp; Tăng cường phân tích thông tin dữ liệu trên Hệ thống nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện các lô hàng có dấu hiệu vi phạm, thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với các lô hàng khai báo theo phương thức vận chuyển độc lập, vận chuyển kết hợp; Theo dõi, rà soát Online trên Hệ thống, phân tích, xác định mức độ rủi ro, kịp thời chuyển thông tin các lô hàng có dấu hiệu vi phạm đến Chi cục Hải quan cửa khẩu để có biện pháp kiểm tra, kiểm soát; Phân tích thông tin trên Hệ thống E-manifest để lựa chọn container thực hiện soi chiếu trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; phân tích thông tin hàng tồn tại cảng để lựa chọn container có rủi ro cao thực hiện kiểm tra qua máy soi container; Thu thập, phân tích thông tin, xây dựng hồ sơ rủi ro hành khách XNC tại cảng hàng không quốc tế;

Tăng cường rà soát, nhận diện rủi ro về chế độ chính sách, mã, giá, C/O; mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao; Phân tích, đánh giá rủi ro đối với các doanh nghiệp hủy, sửa tờ khai; doanh nghiệp bị xử phạt VPHC; Rà soát, đánh giá doanh nghiệp hoạt động theo loại hình gia công, SXKK, chế xuất; Phân tích, lựa chọn xác định doanh nghiệp có rủi ro cao đề xuất biện pháp quản lý phù hợp; Nghiên cứu và triển khai nghiệp vụ phân tích sau bắt giữ.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan; Chủ động thu thập, phân tích và xử lý thông tin, lập kế hoạch, xác định được đối tượng kiểm tra sau thông quan; Ưu tiên, chú trọng vào việc kiểm tra, phát hiện những vấn đề mới, vấn đề nóng, xây dựng nhóm các chuyên đề trọng điểm, để đảm bảo

ngăn chặn kịp thời những hành vi gian lận, trốn thuế, lợi dụng sơ hở của chính sách pháp luật.

**Bảng 3.2: Dự báo Số cuộc kiểm tra sau thông quan**

(ĐVT: cuộc kiểm tra)

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Số vụ kiểm tra sau thông quan tại Cơ quan Hải quan(Vụ)	1138	1365	1500	1650	1800	1980
Số vụ kiểm tra sau thông quan tại Trụ sở người khai hải quan(Vụ)	145	174	191	210	231	254
Số thuế(Tỷ đồng)	344	378	416	457	503	554
Tiền xử phạt(Tỷ đồng)	19	21	23	25	27	29

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của Cục Hải quan Hải Phòng)

Đẩy mạnh hơn nữa công tác trao đổi, thu thập, phân tích thông tin để lựa chọn Doanh nghiệp thực hiện KTSTQ có trọng tâm, trọng điểm, có khả năng mang lại số thu NSNN lớn; Tiếp tục tư duy đổi mới phương pháp, cách thức kiểm tra nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ đối với Doanh nghiệp GC, SXXK và chế xuất nhằm xác định, phát hiện được những nguyên nhân cụ thể dẫn đến chênh lệch NPL.

### **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sau thông quan với hàng hóa gia công xuất khẩu**

#### **3.3.1. Giải pháp 1: Nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan với hàng hóa gia công xuất khẩu có khối lượng lớn và thường xuyên**

##### *Mục tiêu của giải pháp*

Phấn đấu số thu qua KTSTQ tại Cục Hải quan TP Hải Phòng đối với các mặt hàng thường xuyên, có kim ngạch lớn đạt trên 30 tỷ đồng chiếm trên 8% số thực thu của toàn Cục Hải quan.

Xác định chính xác định mức thực tế sản xuất của tất cả các mã thành phẩm được sản xuất phát sinh trong một giai đoạn cụ thể để so sánh, đối chiếu

với định mức mà doanh nghiệp đã sử dụng để khai báo hồ sơ thanh khoản, hồ sơ hoàn thuế/không thu và hồ sơ miễn thuế.

*Căn cứ đề xuất*

- Căn cứ vào cơ sở lý thuyết ở Chương 1 và căn cứ vào thực trạng hải quan tại Hải Phòng ở chương 2, thành phố Hải Phòng chưa thực sự có được một quy trình thống nhất thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu nào để đảm bảo nguồn thu thuế ổn định và lâu dài góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Hải quan Hải Phòng.

- Căn cứ vào xu hướng nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan ở phần 3.1 cũng chỉ rõ rằng nên đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng xuất khẩu tiêu dùng tại Hải Phòng để nâng cao vị thế của kiểm tra sau thông quan của Hải Phòng nói riêng và của Cục Hải quan Hải Phòng nói chung để xứng tầm cả về chất và về lượng trong cả nước..

*Nội dung giải pháp*

Từ thực trạng và diễn biến của vụ việc nêu trên cho thấy việc tiến hành các bước kiểm tra theo phương pháp thông thường sẽ không hiệu quả. Do thời gian kiểm tra có hạn (10 ngày/cuộc). Đoàn chỉ kiểm tra định mức được một số mã hàng đặc trưng, không mang tính tổng quát, không đánh giá được việc khai báo định mức của doanh nghiệp. Do vậy, việc kiểm tra, thẩm định về định mức thực tế sản xuất thông quan sổ sách kế toán, chứng từ kế toán và thực tế sản xuất là hoạt động nghiệp vụ cần thiết. Các bước thực hiện kiểm tra như sau:

**\*Bước 1:** Xác định lượng nguyên liệu, vật tự thực tế cấu thành các thành phẩm nhập kho phát sinh trong phạm vi kiểm tra

- Việc xác định căn cứ vào các hồ sơ, chứng từ, tài liệu và dữ liệu sau: Phiếu xuất kho NLVT cấp cho sản xuất(bao gồm cả cấp bù), Báo cáo chi tiết nhập, xuất, tồn đối với NLVT, biên bản kiểm kê NLVT, SPDD; chứng từ kế toán; sổ chi tiết TK152;

- Số liệu tại bước 1 này được xác định theo công thức sau:

Lượng NLVT thực tế = Lượng NLVT dưới dạng SPDD đầu kỳ + Lượng NLVT cấp vào sản xuất trong kỳ - Lượng NLVT dưới dạng SPĐ cuối kỳ

Trong đó:

+ Lượng NLVT dưới dạng SPDD được xác định theo số liệu tại các Biên bản kiểm kê có đối chiếu với Sổ chi tiết tài khoản 154

+ Lượng NLVT xuất trong kỳ được xác định theo số liệu tại cột xuất của Báo cáo chi tiết nhập, xuất, tồn có đối chiếu với Sổ chi tiết tài khoản 152 và phiếu xuất kho.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu và phù hợp với thực tế khi tổng hợp số liệu tại bước này, cần lưu ý:

+ Thứ nhất: Chúng ta phải phân tách được nguồn gốc của NLVT nhập khẩu thuộc loại hình gia công xuất khẩu và loại hình khác;

+ Thứ hai: Đồng nhất được mã và đơn vị tính của NLVT giữa kho và khai báo hải quan để sau này chúng ta có cơ sở để đối chiếu.

\* **Bước 2:** Xác định lượng thành phẩm thực tế nhập kho phát sinh trong phạm vi kiểm tra. Mục đích của Bước này là để đối chiếu xem tất cả các TP nhập kho TP, Báo cáo chi tiết nhập, xuất, tồn đối với TP, sổ chi tiết tài khoản 155. Ngoài ra, cần thẩm định thêm số liệu tại sổ nhật ký sản xuất

- Sau khi thực hiện tổng hợp số liệu, chúng ta cần lưu ý:

+ Phân tách được nguồn gốc của TP nhập kho trong kỳ

+ Phải đồng bộ mã TP, đơn vị tính giữa theo dõi nội bộ và khai báo hải quan

\* **Bước 3:** Xác định lượng NLVT đã được hoàn thuế/không thu và miễn thuế

- Việc xác định được căn cứ vào bộ hồ sơ thanh khoản, bộ hồ sơ thanh khoản, bộ hồ sơ hoàn thuế/không thu hoặc bộ hồ sơ miễn thuế phát sinh trong thời gian kiểm tra/ phạm vi kiểm tra.

\* **Bước 4:** Đối chiếu lượng NLVT cấp vào sản xuất và lượng NLVT tại hồ sơ thanh khoản, hoàn thuế/không thu, miễn thuế.

- Việc đối chiếu căn cứ vào:

+ Lượng NLVT được xác định tại Bước 1

+ Lượng NLVT được xác định tại Bước 3

Lượng NLVT chênh lệch = Lượng NLVT được xác định tại Bước 3 –  
Lượng NLVT được xác định tại Bước 1

- Kết quả cho thấy có phát sinh chênh lệch:

Phần chênh lệch dương: Là do định mức doanh nghiệp khai báo trong các hồ sơ thanh khoản, hồ sơ hoàn thuế/không thu và hồ sơ miễn thuế cao hơn so với thực tế sản xuất.

Phần chênh lệch âm: Là do định mức doanh nghiệp khai báo trong các hồ sơ thanh khoản, hồ sơ hoàn thuế/không thu và hồ sơ miễn thuế thấp hơn so với thực tế sản xuất.

**\*Bước 5:**Thực hiện các thủ tục ban hành các quyết định hành chính theo quy định.

- Căn cứ để ban hành các Quyết định hành chính:

+ Điều 39, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 quy định các trường hợp cơ quan hải quan ấn định thuế;

+ Điều 55, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về định mức thực tế sản phẩm gia công xuất khẩu;

+ Điều 8, Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 và Khoản 5, Điều 1, Nghị định 45/216/NĐ-CP ngày 26/05/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2013/NĐ-CP quy định về chế tài xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến tăng số thuế được miễn, giảm, hoàn;

- Tính toán số thuế đối với các mã nguyên liệu, vật tư có chênh lệch dương do khai tăng định mức sản xuất xuất khẩu so với thực tế sản xuất.

- Lưu ý tại bản kết luận phải kết luận rõ về nguyên nhân chênh lệch là do doanh nghiệp khai tăng định mức để đảm bảo tính chặt chẽ, tránh việc sau này Doanh nghiệp khiếu nại cho rằng Cơ quan Hải quan đã kiểm tra nhưng không chỉ rõ được nguyên nhân chênh lệch.

**Bảng 3.3 : Tóm tắt các bước thực hiện giải pháp**

Bước	Nội dung thực hiện
1	Xác định lượng nguyên liệu, vật tự thực tế cấu thành các thành phẩm nhập kho phát sinh trong phạm vi kiểm tra
2	Xác định lượng thành phẩm thực tế nhập kho phát sinh trong phạm vi kiểm tra. Mục đích của Bước này là để đối chiếu xem tất cả các TP nhập kho TP, Báo cáo chi tiết nhập, xuất, tồn đối với TP, sổ chi tiết tài khoản 155. Ngoài ra, cần thẩm định thêm số liệu tại sổ nhật ký sản xuất
3	Xác định lượng NLVT đã được hoàn thuế/không thu và miễn thuế - Việc xác định được căn cứ vào bộ hồ sơ thanh khoản, bộ hồ sơ thanh khoản, bộ hồ sơ hoàn thuế/không thu hoặc bộ hồ sơ miễn thuế phát sinh trong thời gian kiểm tra/ phạm vi kiểm tra. *Bước 4: Đối chiếu lượng NLVT cấp vào sản xuất và lượng NLVT tại hồ sơ thanh khoản, hoàn thuế/không thu, miễn thuế.
4	Đối chiếu lượng NLVT cấp vào sản xuất và lượng NLVT tại hồ sơ thanh khoản, hoàn thuế/không thu, miễn thuế.
5	Thực hiện các thủ tục ban hành các quyết định hành chính theo quy định.

*Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp*

**Bảng 3.4 Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019**

TT	Việc cần làm	2019								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến									
2	Lập kế hoạch (có ngân sách)									
3	Xác định 05 mặt hàng kiểm tra									
4	Lựa chọn 50 doanh nghiệp									
5	Thực hiện KTSTQ tại doanh nghiệp									
6	Rút kinh nghiệm và đánh giá DN									

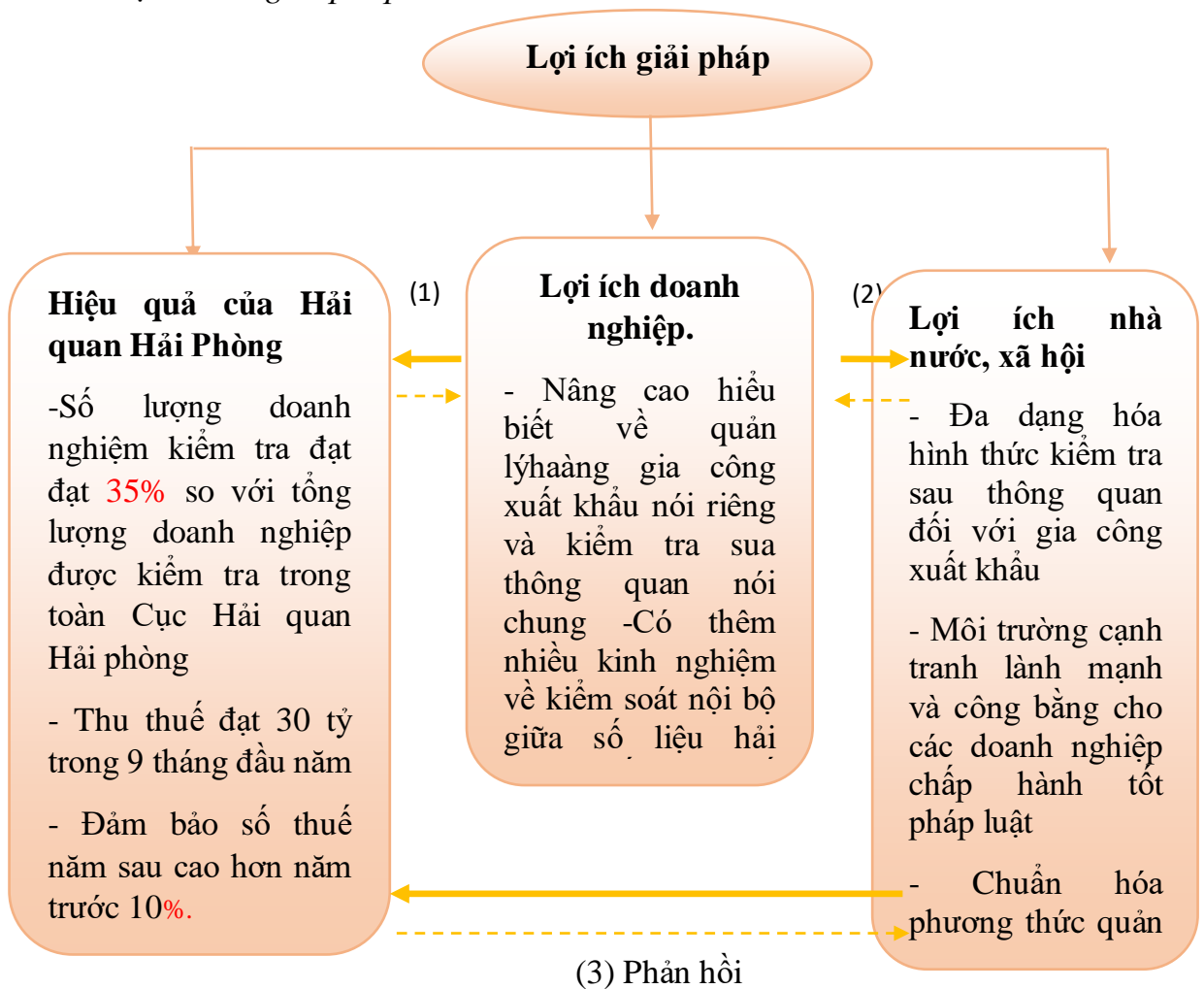
*Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp*

**Bảng 3.5: Dự toán chi phí thực hiện giải pháp**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến	30
2	Thông báo cho doanh nghiệp	50
3	Trang thiết bị, máy móc	15
4	Chi phí ăn, ở và đi lại	500
5	Tổng số	585

*Lợi ích từ giải pháp*



**Sơ đồ 3.1: Lợi ích giải pháp**

*Điều kiện và khuyến nghị cho giải pháp*

-Để triển khai giải pháp mang lại hiệu quả như mong đợi, các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch nâng cao hiệu quả các kiểm tra sau thông quan. Ban lãnh đạo cần có hướng chỉ đạo đúng đắn, để việc triển khai và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra theo đúng kế hoạch. Đồng thời kịp thời chấn chỉnh nhắc nhở và xử lý kịp thời các trường hợp công chức hoặc doanh nghiệp không thực hiện đúng kế hoạch. Từ đó đảm bảo nguồn thu ổn định và đạt số thu tối thiểu như dự kiến.

Thứ nhất, bổ sung, sửa đổi quy định tại Điều 55 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về Định mức thực tế để gia công xuất khẩu sản phẩm. Trước khi thực hiện nhập khẩu NLVT hoặc xuất khẩu TP, doanh nghiệp phải xây dựng và lưu trữ dữ liệu dữ liệu đồng bộ mã NLVT, TP theo dõi tại kho với đơn vị đăng ký khai báo với cơ quan hải quan truyền thống lên hệ thống của cơ quan Hải quan.

Thứ hai, bổ sung, sửa đổi quy định tại Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về Báo cáo quyết toán. Khi nộp báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu trong năm tài chính cho cơ quan hải quan, doanh nghiệp phải truyền dữ liệu định mức thực tế sản xuất lên hệ thống của cơ quan Hải quan để cơ quan Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ làm căn cứ để kiểm tra, rà soát lại hồ sơ, dữ liệu mà doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan Hải quan.

Thứ ba, để tránh trường hợp các doanh nghiệp đối phó, không cung cấp số liệu thì chế tài xử phạt cũng phải thay đổi, cụ thể là tăng hình thức xử phạt. Theo Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45 quy định về chế tài xử phạt đối với hành vi “Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật” thì chỉ áp dụng xử phạt từ 4 đến 10 triệu đồng. Như vậy là chưa đủ ức răn đe.



### 3.3.2. Giải pháp 2: Xây dựng giải pháp về công tác KTSTQ với hàng hóa đặc thù liên ngành đảm bảo hoạt động hiệu quả

#### *Căn cứ đề xuất*

- Căn cứ vào cơ sở lý luận về kiểm tra sau thông quan và kiểm tra sau thông quan đặc thù ở chương 1, cho thấy ba yếu tố quan trọng với tính khác biệt, nổi trội, độc đáo cấu thành nên kiểm tra sau thông quan đặc thù là cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật hải quan; tài nguyên, môi trường Hải quan; dịch vụ, quản lý và hình ảnh Hải quan.

- Căn cứ vào thực trạng Hải quan tại Thành phố Hải Phòng ở chương 2, hải quan Hải Phòng chưa có kiểm tra sau thông quan đặc thù thù nào đặc biệt để thu hút doanh nghiệp nhập khẩu Hải quan nước ngoài, các công ty, doanh nghiệp chưa đủ lớn mạnh để tạo chuyển biến cho nâng cao hiệu quả Hải quan của Hải Phòng.

- Căn cứ vào định hướng nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đặc thù tại Hải Phòng ở phần 3.1 cũng chỉ rõ rằng nên đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đặc thù tại Hải Phòng để thu hút doanh nghiệp nhập khẩu Hải quan nước ngoài, đồng thời quảng bá hình ảnh Hải quan Hải Phòng với nền văn hóa miền biển nói riêng, và hình ảnh Hải quan Việt Nam nói chung đến bạn bè trên toàn Thế giới.

#### *Nội dung giải pháp*

**Bảng 3.6 : Một số mặt hàng liên quan đến chuyên ngành**

Mặt hàng	Nước xuất khẩu
<b>Điện thoại các loại và linh kiện</b>	<b>EU, Trung Quốc, Hàn Quốc</b>
<b>Hàng dệt may</b>	<b>Hoa Kỳ; EU, Nhật Bản, Trung Quốc</b>
<b>Máy vi tính sản phẩm điện tử &amp; linh kiện</b>	<b>Trung Quốc, EU, Hàn Quốc</b>
<b>Giày dép các loại</b>	<b>Hoa Kỳ, Trung Quốc</b>
<b>Phương tiện vận tải và phụ tùng</b>	<b>Nhật Bản; Hoa Kỳ; Ấn Độ</b>
<b>Hàng thủy sản</b>	<b>EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản</b>

**+ Giải pháp đối với thực trạng rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế**

- Cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin kết quả kiểm tra sau thông quan và kết quả xử lý đối với các lỗi, vi phạm về chính sách quản lý hàng hóa XK- Thường xuyên thu thập thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro về chính sách quản lý hàng hóa XK

- Phát hiện dấu hiệu rủi ro về chính sách quản lý hàng hóa XK trong quá trình kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa XK.

- Tiến hành đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của công tác kiểm tra sau thông quan, điều tra, xác minh để phát hiện các doanh nghiệp, hàng hóa, lô hàng có dấu hiệu rủi ro về chính sách quản lý hàng hóa XK và tổ chức kiểm tra đối với các đơn vị đã phát hiện rủi ro.

- Áp dụng tiêu chí rủi ro để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với rủi ro nhận diện trước, trong thực hiện kiểm tra sau thông quan.

**+ Giải pháp đối với thực trạng rủi ro về ưu đãi miễn thuế 2.3.2**

- Cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin kết quả kiểm tra sau thông quan và kết quả xử lý đối với các lỗi, vi phạm về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế.

- Thường xuyên thu thập thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế.

- Phát hiện dấu hiệu rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế trong quá trình kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa XNK.

- Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ của công tác kiểm tra sau thông quan, xác minh tổ chức có liên quan để phát hiện các doanh nghiệp, hàng hóa, lô hàng có dấu hiệu rủi ro về ưu đãi miễn thuế, không chịu thuế và tổ chức kiểm tra đối với các đơn vị đã phát hiện rủi ro.

- Áp dụng tiêu chí rủi ro để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với rủi ro đã nhận diện trước, trong thực hiện kiểm tra sau thông quan.

**+ Giải pháp đối với thực trạng rủi ro về xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu**

- Cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin kết quả kiểm tra sau thông

quan và kết quả xử lý đối với các lỗi, vi phạm về xuất xứ hàng hóa.

- Thường xuyên thu thập thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro về xuất xứ hàng hóa.

- Phát hiện dấu hiệu rủi ro về xuất xứ hàng hóa trong quá trình kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa XNK.

- Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ của công tác kiểm tra sau thông quan để phát hiện các doanh nghiệp, hàng hóa, lô hàng có dấu hiệu rủi ro về xuất xứ và tổ chức kiểm tra đối với các đơn vị đã phát hiện rủi ro.

- Áp dụng tiêu chí phân luồng để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với rủi ro trong thực hiện kiểm tra sau thông quan.

**+ Giải pháp đối với thực trạng rủi ro về xuất khẩu hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**

- Cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin kết quả kiểm tra sau thông quan và kết quả xử lý đối với các lỗi, vi phạm về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; cập nhật hàng hóa có yêu cầu bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Thường xuyên thu thập thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Phát hiện dấu hiệu rủi ro về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ của công tác kiểm tra sau thông quan, xác minh tại Cục SHTT, đơn vị bảo hộ để phát hiện các doanh nghiệp, hàng hóa, lô hàng có dấu hiệu rủi ro về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức kiểm tra đối với các đơn vị đã phát hiện rủi ro.

- Áp dụng tiêu chí rủi ro để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với rủi ro trong thực hiện kiểm tra sau thông quan.

*Dự kiến kế hoạch triển khai*

**Bảng 3.7: Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 2 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019**

TT	Việc cần làm	2019								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến									
2	Lập kế hoạch (có ngân sách)									
3	Xác định 5 mặt hàng đặc thù									
4	Lựa chọn 50 doanh nghiệp									
5	Thực hiện KTSTQ tại doanh nghiệp									
6	Rút kinh nghiệm và đánh giá doanh nghiệp									

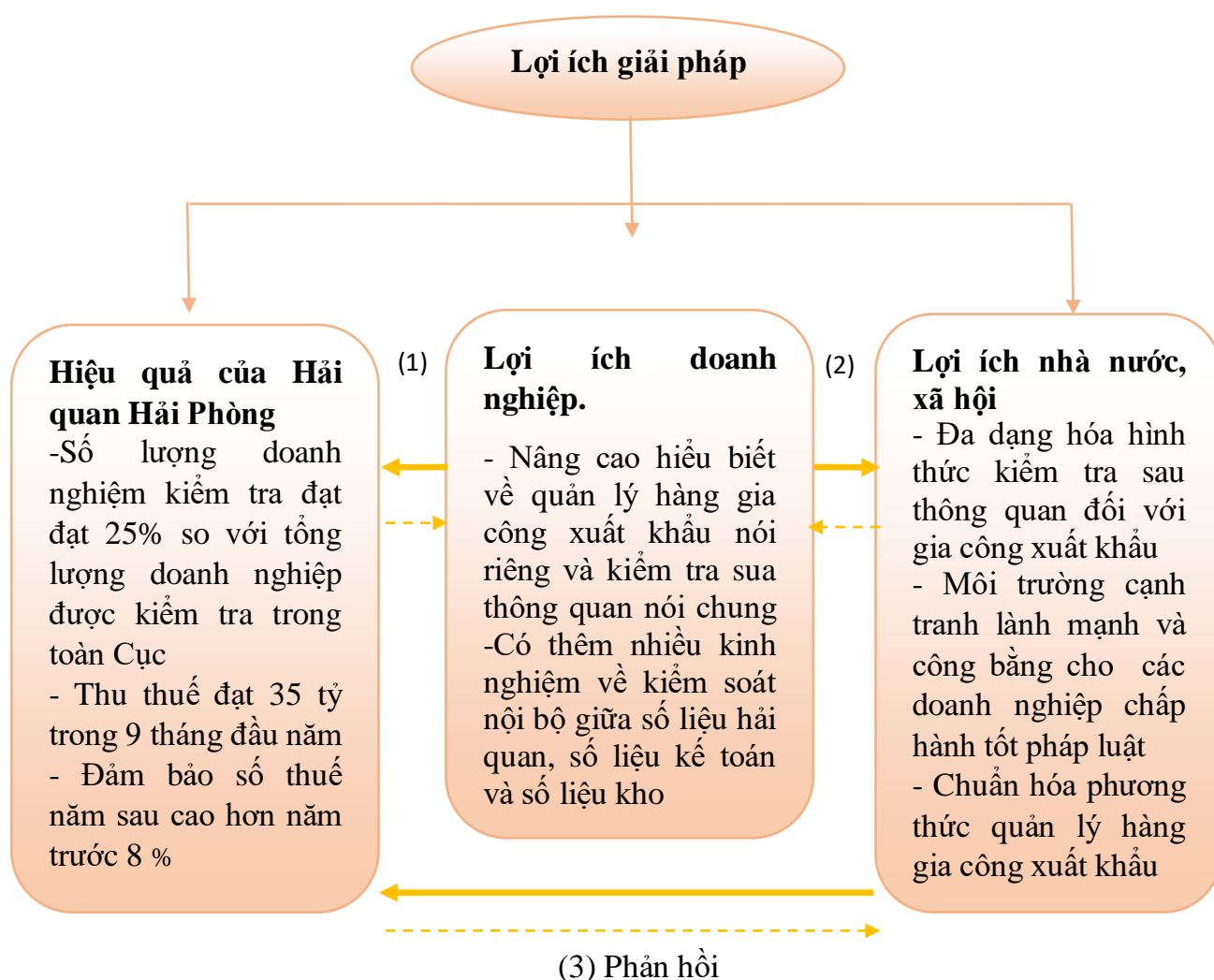
*Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp*

Dựa vào nội dung thực hiện giải pháp 2, người làm đề tài đã tham khảo và đưa ra bảng dự toán chi phí dưới đây:

**Bảng 3.8 : Dự toán chi phí thực hiện giải pháp**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến	30
2	Thông báo cho doanh nghiệp	50
3	Trang thiết bị, máy móc	15
4	Chi phí ăn, ở và đi lại	500
5	Tổng số	585

*Lợi ích từ giải pháp***Sơ đồ 3.2: Lợi ích của giải pháp***Điều kiện và khuyến nghị*

Các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch nâng cao hiệu quả các kiểm tra sau thông quan đặc thù, tạo nét đặc sắc cho Thành phố Hải Phòng. Tạo hành lang pháp lý để hải quan có cơ sở chắc chắn và vững vàng để hoạt động. Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp nhập khẩu nước ngoài có thể tiếp cận được với các điểm hải quan tại Hải Phòng. Cần có kế hoạch về ngân sách để quảng bá hình ảnh hải quan Hải Phòng đến bạn bè quốc tế, thu hút nhiều hơn nữa doanh nghiệp nhập khẩu hải quan nước ngoài đến với Hải Phòng.

### 3.3.3. Giải pháp 3: Đề xuất lộ trình công tác kiểm tra sau thông quan hàng hóa đặc biệt mới nhằm đảm bảo hiệu quả

#### *Mục tiêu của giải pháp*

Chuẩn hóa quy trình kiểm tra sau thông quan đối với một số mặt hàng đặc biệt được lựa chọn trong quá trình thu thập thông tin.

Góp phần đạt được các thông số dự báo ở phần 3.2 thông quan việc kiểm tra sau thông quan một số mặt hàng đặc biệt theo đúng quy trình đã định sẵn.

#### *Căn cứ đề xuất*

Căn cứ từ cơ sở lý luận ở chương 1, cần phải lên kế hoạch để tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng về các quy định về hải quan nói chung và về kiểm tra sau thông quan nói riêng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đang làm thủ tục các mặt hàng đặc biệt.

Căn cứ vào thực trạng được phân tích ở chương 2, cần chuẩn hóa quy trình kiểm tra sau thông quan và công chức hải quan chấp hành kỷ cương kỷ luật tốt thì chưa thể khẳng định được sự thành công của kiểm tra sau thông quan nếu không có sự hợp tác, và chấp hành nghiêm pháp luật của doanh nghiệp.

Căn cứ xu hướng phát triển của Cục hải quan Hải Phòng trong những năm sắp tới, tiến tới một Cục hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, thân thiện nhưng vẫn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ thu thuế với cộng đồng doanh nghiệp luôn tự giác chấp hành pháp luật về hải quan.

#### *Nội dung giải pháp*

#### **\* Thu thập thông tin đối với các mặt hàng đặc biệt**

**Bảng 3.9 : Danh sách một số mặt hàng đặc biệt cần tập trung kiểm tra sau thông quan trong thời gian tới**

TT	Mặt hàng	Nước xuất khẩu
1	Gỗ và sản phẩm gỗ	Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản
2	Sắt thép các loại	Campuchia, Hoa Kỳ, Indonesia
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác	Hoa Kỳ; EU; Nhật Bản
4	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	Trung Quốc, Hồng Kông

**\* Xây dựng lộ trình kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng đặc biệt**

*Bước 1: Xác định đối tượng đề xuất kiểm tra*

*Lựa chọn đối tượng đề xuất kiểm tra*

Công chức/nhóm công chức tiến hành lựa chọn đối tượng kiểm tra trên cơ sở kết quả thu thập, phân tích thông tin theo hướng dẫn hoặc theo chỉ đạo của cấp trên.

*Tại trụ sở Chi cục Hải quan.*

Người khai hải quan có khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế được xác định theo một trong các tiêu chí cụ thể.

a) Ưu tiên lựa chọn để đề xuất kiểm tra trước đối với các trường hợp:

a.1) Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự các trường hợp đã được Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra, ấn định thuế.

a.2) Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan đã được Chi cục Hải quan KTSTQ kiểm tra trong thời hạn 60 ngày nhưng chưa thực hiện khai bổ sung các tờ khai có cùng dấu hiệu vi phạm ngoài thời hạn 60 ngày đến 5 năm.

*Tại trụ sở người khai Hải quan*

Trên cơ sở hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm, người khai hải quan xác định có rủi ro cao đã được xác định và danh sách kiểm tra theo kế hoạch đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt, công chức/nhóm công chức thực hiện:

a) Đề xuất kế hoạch thực hiện kiểm tra đối với người khai Hải quan đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giao cho đơn vị.

b) Các trường hợp khác, công chức/nhóm công chức xác định lựa chọn kiểm tra trên cơ sở phân tích, đánh giá, xác định tính chất, mức độ vi phạm, mức độ rủi ro cao. Lập kế hoạch kiểm tra đối với các trường hợp còn lại có dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro tương tự.

### *Bước 2 Đề xuất kiểm tra*

a) Sau khi xác định được đối tượng cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức/nhóm công chức thực hiện đề xuất kiểm tra và tiếp tục tiến hành thu thập, phân tích thông tin chi tiết, toàn diện hơn về đối tượng đã được lựa chọn.

b) Rà soát trên hệ thống STQ để tránh đề xuất trùng đối tượng kiểm tra

### *Bước 3: Phê duyệt, ký ban hành quyết định kiểm tra*

Người có thẩm quyền ký ban hành Quyết định kiểm tra theo quy định tại Điều 144 Thông tư 38/2015/TT-BTC xem xét đề xuất của công chức/nhóm công chức về dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro, kế hoạch được giao để phê duyệt nội dung đề xuất và ký ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan/trụ sở người khai hải quan theo mẫu.

### *Bước 4 Tiến hành kiểm tra*

a) Thời hạn kiểm tra tối đa là năm (05) ngày làm việc, theo quyết định kiểm tra.

b) Trong quá trình kiểm tra nhóm kiểm tra làm việc với đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền, (sau đây gọi tắt là đại diện có thẩm quyền) của người khai Hải quan về các nội dung kiểm tra, các dấu hiệu nghi vấn, yêu cầu người khai Hải quan giải trình, làm rõ và cung cấp chứng từ, tài liệu chứng minh.

Khi người khai Hải quan có ý kiến giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra thì giải trình bằng văn bản, hồ sơ, tài liệu (được người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp ký, đóng dấu), kèm dữ liệu điện tử (nếu có) chứng minh nội dung giải trình.

c) Trong thời gian thực hiện quyết định kiểm tra, những ngày đoàn kiểm tra không đến trụ sở người khai hải quan để thực hiện kiểm tra thì Trưởng đoàn phải báo cáo người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra và phải thông báo bằng văn bản cho người khai hải quan biết.



*Bước 5: Thông báo kết quả kiểm tra*

Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra, người có thẩm quyền xem xét ký Thông báo kết quả kiểm tra/Kết luận kiểm tra chỉ đạo tiếp một số công việc cụ thể:

\*Rà soát các vi phạm tương tự vừa được kiểm tra trước khi ký Thông báo kết quả kiểm tra đối với trường hợp kiểm tra tại trụ sở Chi cục Hải quan KTSTQ.

- Đối với trường hợp người khai Hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không cung cấp đủ hồ sơ tài liệu theo yêu cầu theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 142 Thông tư 38/2015/TT-BTC, Cục trưởng Cục Hải quan/Chi cục trưởng ký Thông báo kết quả kiểm tra trong đó nêu rõ: hành vi không chấp hành của người khai Hải quan và cơ quan hải quan sẽ xử lý theo quy định trên cơ sở hồ sơ hiện có và áp dụng các biện pháp kiểm tra đối với các lô hàng tiếp theo của người khai Hải quan.

**Bảng 3.10: Lộ trình kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng đặc biệt**

Các bước	Nội dung chính
Bước 1: Xác định đối tượng đề xuất kiểm tra	Lựa chọn đối tượng đề xuất kiểm tra Công chức/nhóm công chức tiến hành lựa chọn đối tượng kiểm tra trên cơ sở kết quả thu thập, phân tích thông tin theo hướng dẫn hoặc theo chỉ đạo của cấp trên: tại trụ sở Chi cục Hải quan, tại Chi cục KTSTQ và tại trụ sở người khai hải quan.
Bước 2 Đề xuất kiểm tra	a) Sau khi xác định được đối tượng cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức/nhóm công chức thực hiện đề xuất kiểm tra và tiếp tục tiến hành thu thập, phân tích thông tin chi tiết, toàn diện hơn về đối tượng đã được lựa chọn b) Rà soát trên hệ thống STQ để tránh đề xuất trùng đối tượng kiểm tra
Bước 3: Phê duyệt, ký ban hành quyết định kiểm tra	Người có thẩm quyền ký ban hành Quyết định kiểm tra theo quy định tại Điều 144 Thông tư 38/2015/TT-BTC xem xét đề xuất của công chức/nhóm công chức về dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro, kế hoạch được giao để phê duyệt nội dung đề xuất và ký ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan/trụ sở người khai Hải quan theo mẫu.
Bước 4: Tiến hành kiểm tra	a) Thời hạn kiểm tra tối đa là năm (05) ngày làm việc, theo quyết định kiểm tra.
Bước 5: Thông báo kết quả kiểm tra	Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra, người có thẩm quyền xem xét ký Thông báo kết quả kiểm tra/Kết luận kiểm tra chỉ đạo tiếp một số công việc cụ thể: *Rà soát các vi phạm tương tự vừa được kiểm tra trước khi ký Thông báo kết quả kiểm tra đối với trường hợp kiểm tra tại trụ sở Chi cục Hải quan.
Bước 6: Kết luận kiểm tra	Từng thành viên đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm theo nội dung được phân công kiểm tra; lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, đề xuất phương án xử lý kết quả kiểm tra theo phạm vi công việc phân công, theo yêu cầu của Trưởng đoàn.

*Bước 6: Kết luận kiểm tra*

a) Từng thành viên đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm theo nội dung được phân công kiểm tra; lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, đề xuất phương án xử lý kết quả kiểm tra theo phạm vi công việc phân công, theo yêu cầu của Trưởng đoàn.

b) Trên cơ sở quyết định kiểm tra, báo cáo của từng thành viên, các biên bản kiểm tra, hồ sơ, chứng từ tài liệu thu thập được, và căn cứ theo quy định pháp luật liên quan, đoàn kiểm tra thống nhất báo cáo của đoàn kiểm tra, dự thảo kết luận kiểm tra (từng thành viên có ý kiến ký ghi rõ họ tên vào trang cuối và cùng ký nháy trên từng trang của dự thảo, bản này được lưu hồ sơ) trước khi báo cáo người có thẩm quyền kết luận kiểm tra duyệt dự thảo kết luận kiểm tra.

c) Trường hợp người có thẩm quyền kết luận kiểm tra không đồng ý với nội dung dự thảo kết luận kiểm tra, thì đoàn kiểm tra sẽ báo cáo tiếp, làm rõ theo chỉ đạo của người có thẩm quyền hoặc có quyền bảo lưu ý kiến. Người có thẩm quyền kết luận kiểm tra có quyền quyết định về nội dung dự thảo cuối cùng, duyệt và gửi người khai hải quan theo quy định.

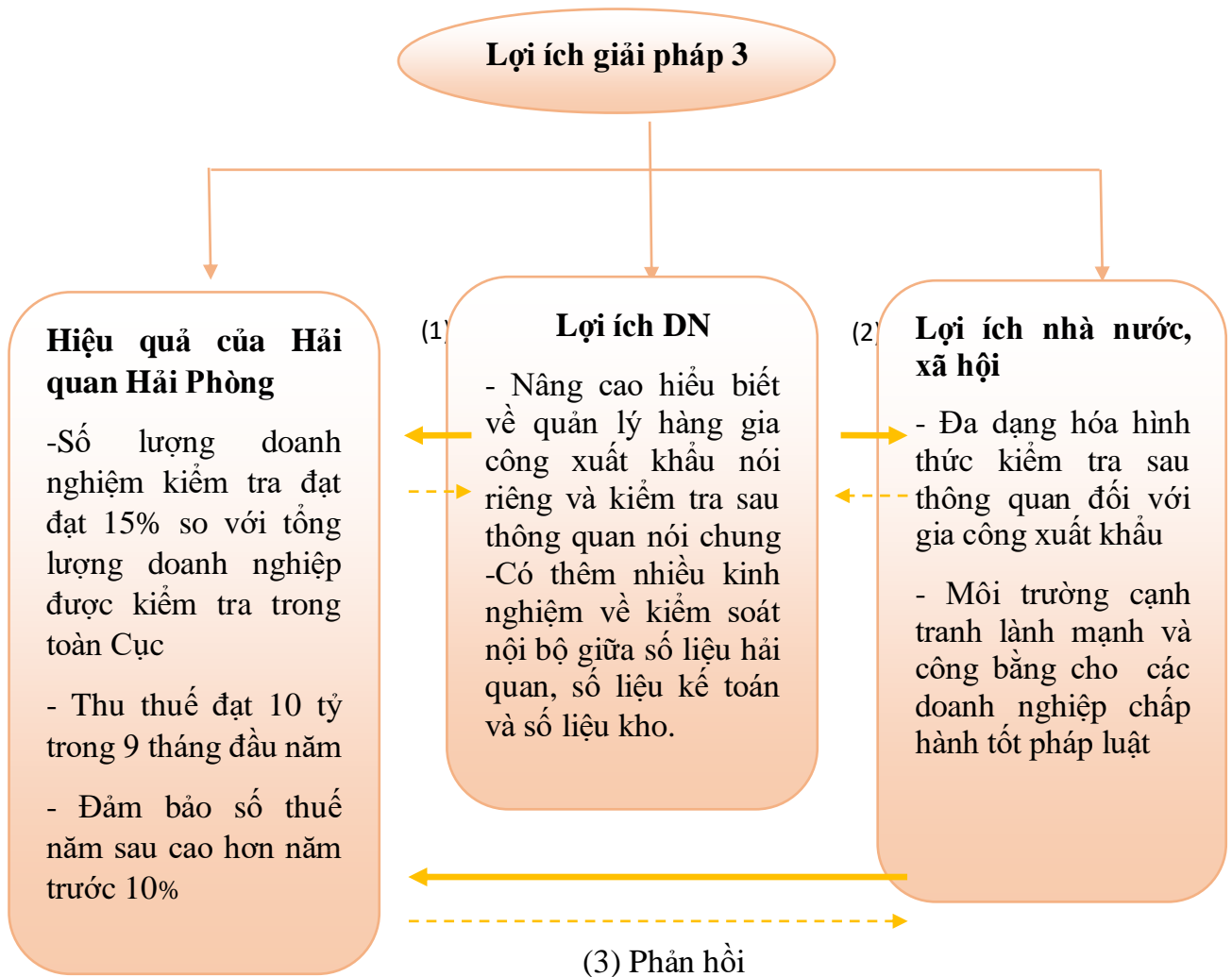
d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan, người có thẩm quyền kết luận kiểm tra phải hoàn thành bản dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo mẫu kiểm tra tất cả các trang dự thảo, ký nháy (xác nhận đã duyệt) và gửi cho người khai hải quan 01 bản gốc có dấu đỏ.

*Dự kiến kế hoạch triển khai***Bảng 3.11: Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 3 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019**

TT	Việc cần làm	2019								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến									
2	Lập kế hoạch (có ngân sách)									
3	Xác định 3 mặt hàng đặc biệt									
4	Lựa chọn 20 doanh nghiệp									
5	Thực hiện KTSTQ tại doanh nghiệp									
6	Rút kinh nghiệm và đánh giá doanh nghiệp									

*Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp 3***Bảng 3.12.: Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 3***Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến	30
2	Thông báo cho doanh nghiệp	10
3	Trang thiết bị, máy móc	15
4	Chi phí ăn, ở và đi lại	300
Tổng		355

*Lợi ích từ giải pháp 3***Sơ đồ 3.3: Lợi ích của giải pháp 3***Điều kiện và khuyến nghị đối với giải pháp 3*

Có kế hoạch cụ thể trong việc triển khai thực hiện các công việc, phân chia công việc rõ ràng để giải quyết khối lượng công việc lớn. Cần có kế hoạch và mục tiêu trước khi tham gia các hội nghị diễn đàn giữa Hải quan và Doanh nghiệp.

Các cơ quan nhà nước nên ban hành các nghị quyết và quyết định về nâng cao hiệu quả hải quan Hải Phòng, tạo hành lang pháp lý để hải quan có cơ sở chắc chắn và vững vàng để hoạt động. Tạo mọi điều kiện để doanh

ngiệp xuất nhập khẩu có thể tiếp cận được với quy định mới nhất về hải quan nói chung và kiểm tra sau thông quan nói riêng.

Sau mỗi cuộc kiểm tra, thủ trưởng đơn vị, người ban hành quyết định kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo đoàn kiểm tra/nhóm kiểm tra:

- Tổ chức xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm các ưu, nhược điểm của cuộc kiểm tra từ khâu chuẩn bị cho đến khi kết thúc xử lý kết quả kiểm tra nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ;

- Phổ biến các bài học kinh nghiệm để các cuộc kiểm tra sau hiệu quả hơn, nhân rộng thành công, hạn chế sai sót tương tự;

- Đề xuất, kiến nghị sửa đổi các chính sách pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có).

- Rà soát các vi phạm tương tự sau khi Thông báo kết quả kiểm tra/Kết luận kiểm tra.

### **3.4. Tiểu kết chương 3**

Trong chương 3 đã trình bày Xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam hòa nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023. Từ đó, Hải quan Hải Phòng có các định hướng chiến lược phù hợp với xu hướng của Hải quan Việt Nam trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kiểm tra sau thông quan. Chương 3 cũng trình bày chi tiết ba giải pháp cơ bản để giải quyết các vấn đề về thực trạng về kiểm tra sau thông quan mặt hàng gia công xuất khẩu. Các giải pháp gồm: Giải pháp nâng cao hiệu quả KTSTQ với hàng hóa gia công xuất khẩu có khối lượng lớn và thường xuyên; Giải pháp xây dựng biện pháp về công tác KTSTQ với hàng hóa đặc thù liên ngành đảm bảo hoạt động hiệu quả; Giải pháp đề xuất lộ trình công tác kiểm tra sau thông quan hàng hóa đặc biệt mới đảm bảo hiệu quả. Mỗi giải pháp đều được trình bày thống nhất trong 7 phần là mục tiêu giải pháp, căn cứ đề xuất giải pháp, nội dung cụ thể, kế hoạch thực hiện cụ thể với số lượng mặt

hàng kiểm tra và số lượng doanh nghiệp rõ ràng, chi phí thực hiện cho mỗi cuộc kiểm tra và lợi ích của giải pháp trên khía cạnh nhà nước, cá nhân doanh nghiệp được kiểm tra nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp nói chung.

Mỗi giải pháp đưa ra đều dựa trên thực tế, những vấn đề còn tồn tại và cách giải quyết, xử lý các giải pháp để tạo ra các lợi ích cho Hải quan Hải Phòng. Tuy nhiên, để triển khai giải pháp mang lại hiệu quả như mong đợi, các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch đào tạo chính xác cho các nhân viên chăm sóc khách hàng. Ban lãnh đạo cấp cao cần có hướng chỉ đạo đúng đắn, để việc triển khai giải pháp được thuận lợi và hiệu quả. Đồng thời có chế độ khen thưởng, đãi ngộ hợp lý để tạo động lực cho cán bộ công chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

---

## PHẦN KẾT LUẬN & KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Đề tài “**Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng gia công xuất khẩu tại Hải Quan Hải Phòng**” đã cơ bản đạt được mục đích đề ra ban đầu của luận văn, đó là:

- Luận giải cơ sở lý luận về hải quan, kiểm tra sau thông quan, kiểm tra sau thông quan đặc thù, và vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động Hải quan hiện đại.

- Phân tích và đánh giá thực trạng tình hình hoạt động kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan Hải Phòng. Đặc biệt tập trung phân tích sâu các vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng gia công xuất khẩu để từ đó làm căn cứ xây dựng các giải pháp.

- Đề xuất 3 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho đối tượng doanh nghiệp gia công xuất khẩu. Các giải pháp nhằm góp phần vào việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan doanh nghiệp gia công xuất khẩu.

Mặc dù còn thiếu nhiều thời gian để tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn về kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng cho từng đối tượng doanh nghiệp khác nhau; cũng như việc triển khai rộng rãi các giải pháp đó, nhưng các vấn đề được lý giải và phân tích ở ba chương của đề tài khóa luận tốt nghiệp có thể được sử dụng như những cơ sở lý luận và ví dụ cho việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan ở các Cục Hải quan khác trên cả nước nói chung.

Tuy nhiên, do nhận thức và thời gian thực hiện đề tài còn hạn chế và đây cũng là đề tài rất mới không chỉ đối với riêng người làm luận văn mà còn mới so với các chuyên gia, cũng như do nguồn tài liệu chưa thật sự đầy đủ, nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết trong quá trình làm đề tài. Các biện pháp thực hiện chỉ có tính chất định hướng và còn cần điều



chính, bổ sung khi áp dụng vào thực tế để có thể phát huy được hiệu quả cao nhất trong lĩnh vực Hải quan nói chung và kiểm tra sau thông quan nói riêng.

## **2. Khuyến nghị**

Qua phân tích và đánh giá thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng cũng như các tìm hiểu về kiểm tra sau thông quan, đề tài luận văn xin đưa ra một số khuyến nghị sau:

Một là, các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan, nguồn thu ổn định cho Hải quan Hải Phòng. Ban lãnh đạo cấp cao cần có hướng chỉ đạo đúng đắn, để việc triển khai và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan đi đúng hướng phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế trên cơ sở áp dụng hệ thống phân tích tự động trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hạn chế tác động chủ quan từ công chức Hải quan, giảm thiểu tiêu cực phát sinh trong quá trình kiểm tra sau thông quan. Đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin văn bản liên quan về công tác kiểm tra sau thông quan cho các đối tượng cần thiết có nhu cầu nghiên cứu.

Hai là, Các cơ quan nhà nước nên ban hành các nghị quyết và quyết định về nâng cao hiệu quả Hải quan tại Hải Phòng, tạo hành lang pháp lí để Hải quan có cơ sở chắc chắn và vững vàng để hoạt động. Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp xuất khẩu có thể tiếp cận được với thay đổi về cơ chế chính sách liên quan đến kiểm tra sau thông quan Hải quan Hải Phòng.

Ba là, cần có kế hoạch về ngân sách để tiếp phát triển và nâng tầm Hải quan Hải Phòng nói riêng và Hải quan Việt Nam nói chung, thu hút nhiều hơn nữa doanh nghiệp làm thủ tục tại Cục Hải quan Hải Phòng

Cuối cùng, cập nhật thông tin nhanh nhất để kịp thời thiết kế, thay đổi các nhân tố tạo thành kiểm tra sau thông quan ngày một hoàn hảo hơn, mang đậm bản sắc của Hải quan Hải Phòng hơn.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Bình (2007), *Nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo loại hình gia công*, Đề tài khoa học cấp ngành, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 193/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP*, Hà Nội.
3. Bộ Tài Chính (2015), *Thông tư số: 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung, Thông tư số: 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 4273/QĐ-TCHQ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành quy chế kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm nghiệp vụ trong ngành hải quan*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 1484/QĐ-TCHQ ngày 16 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành tiêu chí lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng chuyên gia về trị giá hải quan và chuyên gia về phân loại hàng hóa*, Hà Nội.
6. Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan*, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Quỳnh Chi (2011), *Hoàn thiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương.
8. Hoàng Việt Cường (2007), *Nâng cao hiệu quả nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động thanh toán quốc tế qua ngân hàng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.

9. Cục Hải quan Hải Phòng (2010), *Định hướng chiến lược trong xu thế hội nhập Hải quan thế giới giai đoạn 2011-2015*, Hải Phòng.
10. Cục Hải quan thành phố Hà Nội (2011), *Nghiên cứu phương pháp Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thông quan điện tử*, Đề án cấp ngành Hải quan Hà Nội.
11. Cục Hải quan Hải Phòng (2013), *Báo cáo Tổng kết năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014*, Hải Phòng.
12. Cục Hải quan Hải Phòng (2014), *Báo cáo Tổng kết năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*, Hải Phòng.
13. Cục Hải quan Hải Phòng (2015), *Định hướng chiến lược trong xu thế hội nhập Hải quan giới giai đoạn 2016-2020*, Hải Phòng.
14. Cục Hải quan Hải Phòng (2015): *Báo cáo Tổng kết năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016*, Hải Phòng.
15. Cục Hải quan Hải Phòng (2016): *Báo cáo Tổng kết năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*, Hải Phòng.
16. Cục Hải quan Hải Phòng (2017): *Báo cáo Tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018*, Hải Phòng.
17. Cục Hải quan TP Hải Phòng (2017): *Quyết định số 2206, 2207/QĐ-HQHP ngày 06/06/2017 công bố Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 giai đoạn 2017-2018*, Hải Phòng.
18. Chi cục Kiểm tra sau thông quan (2018), *Các biện pháp kiểm soát quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan*, Hải Phòng.
19. Chính Phủ (2018), *Nghị định số: 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số: 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.

20. Hoàng Trung Dũng (2017), *Kinh nghiệm quản lý kiểm tra sau thông quan của một số nước trên thế giới và bài học cho Hải quan Việt Nam*, Cục Kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan.
21. Vĩnh Khang (2018), Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan. <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/37056702-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-kiem-tra-sau-thong-quan.html>, truy cập ngày 22/07/2018
22. Trần Thị Na, (2011). *Hoàn thiện tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu do Hải quan Việt Nam thực hiện*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
23. Tạ Thị Mão (2013), *Xây dựng phần mềm thu thập và khai thác thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan.
24. Trần Vũ Minh (2007), *Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại thương.
25. Phạm Duy Liên, (2004). *Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hải quan*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
26. Phạm Duyên Phương, (2012). *Hài hòa và tiêu chuẩn hóa chỉ tiêu thông tin phục vụ xây dựng bộ chứng từ điện tử trong cơ chế hải quan một cửa quốc gia*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan
27. Lê Như Quỳnh, (2007). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng chuẩn mực quốc tế trong xây dựng và thực tiễn thủ tục hải quan điện tử ở Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Tổng cục Hải quan.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hải quan* ban hành ngày 23/06/2014, số hiệu 54/2014/QH13, Hà Nội.
29. Nguyễn Anh Tài, (2012), *Hiệp định tạo thuận lợi thương mại trong khuôn khổ WTO và kế hoạch thực hiện của Hải quan Việt Nam*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan.

30. Hoàng Đức Thân và Nguyễn Thị Xuân Hương, (2009). *Giáo trình Kinh tế Hải quan. Hà Nội*: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
31. Văn Bá Tín, (2012). *Nghiên cứu phương pháp Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thông quan điện tử*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan.
32. Tổng Cục Hải quan (2017), *Công văn số 905/TCHQ-TXNK ngày 17/02/2017 quy định về một số mặt hàng tập trung kiểm tra về trị giá*, Hà Nội.
33. Tổng Cục Hải quan (2018), *Tài liệu tập huấn tại hội nghị tập huấn công tác kiểm tra sau thông quan lần thứ 11*, Đà Lạt.
34. Hoàng Tùng, (2010). *Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải quan Việt Nam*. Tạp chí khoa học và công nghệ, số 21, trang 7
35. Nguyễn Thu Trang (2017), *Kinh nghiệm "hậu kiểm" với doanh nghiệp gia công may mặc tại Hải quan Hà Giang*, <https://www.baohaiquan.vn/Pages/Kinh-nghiem-hau-kiem-voi-doanh-nghiep-gia-cong-may-mac-tai-Hai-quan-Ha-Giang.aspx>.
36. Hoàng Tùng (2010), *Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hoá XNK của Hải quan Việt Nam*, Tạp chí khoa học và công nghệ , ĐH Đà Nẵng, 6 (41), pp. 200-206.